



THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

SỐ RA HÀNG THÁNG
(Tháng 7/2024)



LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 07/2024)

MỤC LỤC



VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

5. Yêu cầu chung cho thiết kế kho chứa nổi theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13966-1:2024
6. Xác định hiệu suất năng lượng máy hút mùi theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13972:2024
7. CCPR55 Ban kỹ thuật Codex về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm đạt đồng thuận cao
8. Giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe
9. Chỉ số PII: Công cụ đo lường và hỗ trợ hoạch định chính sách cấp địa phương và Quốc gia
11. Hà Tĩnh: Thực hiện truy xuất nguồn gốc khẳng định chất lượng và nâng cao giá trị sản phẩm
12. Phát triển loạt tiêu chuẩn, đưa xe điện đến gần hơn với người tiêu dùng
13. Ủy ban Tiêu chuẩn Quốc tế ASTM chấp nhận đưa hợp chất làm mát dành cho xe điện sử dụng rộng rãi trên thị trường
15. Xây dựng một tiêu chuẩn chung cho toàn bộ máy hút bụi trên thế giới
16. Thiết lập tiêu chuẩn cho ống và phụ kiện PVC an toàn hơn hướng tới phát triển bền vững trong ngành công nghiệp
17. Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 tập trung vào an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp
18. Tiêu chuẩn SEDEX-SMETA đảm bảo đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội
19. Tiêu chuẩn Canada về Sức khỏe tâm thần trong chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt
20. Tiêu chuẩn hệ thống Pin lưu trữ - nền tảng phát triển năng lượng tái tạo
21. Hoàn thiện Tiêu chuẩn, Quy chuẩn về vật liệu xây không nung
23. ISO 7101 - Hỗ trợ giải quyết vấn đề của tổ chức chăm sóc sức khỏe
24. Tiêu chuẩn ASTM về lát bê tông - Yêu cầu đối với thanh cốt
25. ISO 14060 - Công cụ giúp giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

27. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 07/2024

❖ **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Ngày 28/6/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 24/2024/TT-BGTVT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn di động trên biển.



Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn di động trên biển; mã số đăng ký: QCVN 48:2024 /BGTVT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các giàn di động trên biển sử dụng cho hoạt động dầu khí ở vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 55/2012/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn di động trên biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn cố định trên biển..

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025. Giấy chứng nhận cấp cho các giàn trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn của giấy chứng nhận đó./.

Ngày 28/06/2024, Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư 23/2024/TT-BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật kho chứa nổi, trong đó có quy định về giấy chứng nhận kho chứa nổi.

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám

sát kỹ thuật kho chứa nổi. Mã số đăng ký: QCVN 70:2024/BGTVT.

Theo đó, QCVN 70:2024/BGTVT đưa ra các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường và quản lý đối với các kho chứa nổi sử dụng trong hoạt động dầu khí trên vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về nguyên tắc giám sát kỹ thuật, phương pháp giám sát chính: Đăng kiểm thực hiện việc giám sát theo những trình tự được quy định trong Quy chuẩn này và các hướng dẫn liên quan, đồng thời tiến hành kiểm tra đột xuất bất cứ hạng mục nào phù hợp với Quy chuẩn này.

Về Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế: Kho chứa nổi được cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo trình tự và thủ tục quy định tại Điều 5 Thông tư 33/2011/TT-BGTVT quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển.

Về Giấy chứng nhận phân cấp: Kho chứa nổi được cấp các giấy chứng nhận phân cấp theo trình tự và thủ tục quy định tại Điều 6 Thông tư 33/2011; Giấy chứng nhận phân cấp có hiệu lực trong thời hạn không quá 5 năm tính từ ngày hoàn thành kiểm tra phân cấp hoặc kiểm tra định kỳ; Giấy chứng nhận phân cấp được xác nhận duy trì hiệu lực vào các đợt kiểm tra hàng năm, kiểm tra trung gian, kiểm tra trên đà hoặc tương đương và bất thường.

Về Giấy chứng nhận theo công ước quốc tế: Kho chứa nổi phải tuân thủ các quy định về kiểm tra, cấp và duy trì hiệu lực của các giấy chứng nhận theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Kho chứa nổi được cấp các giấy chứng nhận công ước quốc tế trình tự và thủ tục quy định tại Điều 6 Thông tư 33/2011.

Quy chuẩn này, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là kiểm tra), thiết

kế, chế tạo mới, hoán cải, sửa chữa và vận hành, khai thác kho chứa nổi.

Giấy chứng nhận cấp cho các kho chứa nổi trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn của giấy chứng nhận đó.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 2 năm 2025. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 06/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 04 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật 2 Quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật hệ thống đường ống biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật kho chứa nổi./.

❖ **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Ngày 28/06/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 07/2024/TT-BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Đo đạc trọng lực chi tiết phục vụ công tác đo đạc và bản đồ - Phần đo mặt đất.



Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Đo đạc trọng lực chi tiết phục vụ công tác đo đạc và bản đồ - Phần đo mặt đất, mã số QCVN 79:2024/BTNMT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định về xây dựng lưới điểm tựa trọng lực, đo đạc trọng lực chi tiết phần đo mặt đất bằng phương tiện đo trọng lực tương đối phục vụ xây dựng mô hình Geoid, hiện đại hóa mạng lưới độ cao quốc gia Việt Nam và các công tác đo đạc và bản đồ cơ bản.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024. Các nội dung về đo

trọng lực chi tiết trên mặt đất được quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đo trọng lực chi tiết hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Các đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật về đo đạc trọng lực chi tiết phục vụ công tác đo đạc và bản đồ được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định của Thông tư số 08/2012/TT-BTNMT./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

➤ **Quyết định ban hành các Tiêu chuẩn Quốc gia:**

Quyết định số 744/QĐ-BKHCN (02/5/2024):

1. TCVN 13936-1:2024, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt điện một chiều – Phần 1: Yêu cầu chung
2. TCVN 13936-2:2024, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt điện một chiều – Phần 2: Máy cắt một chiều
3. TCVN 13936-3:2024, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt điện một chiều – Phần 3: Thiết bị chuyển mạch nối đất, thiết bị chuyển mạch – cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng trong nhà
4. TCVN 13936-4:2024, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt điện một chiều – Phần 4: Thiết bị chuyển mạch nối đất, thiết bị chuyển mạch – cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng ngoài trời
5. TCVN 13936-6:2024, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt điện một chiều – Phần 6: Cụm thiết bị đóng cắt một chiều

Quyết định số 1064/QĐ-BKHCN (27/5/2024):

1. TCVN 13916:2024, Pin hoán đổi được dùng cho mô tô điện, xe máy điện hai bánh – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Quyết định số 1057/QĐ-BKHCN (27/5/2024):

1. TCVN 14134-1:2024, Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 1: Chuẩn bị khô mẫu đất

2. TCVN 14134-2:2024, Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 2: Chuẩn bị ướt mẫu đất
3. TCVN 14134-3:2024, Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 3: Xác định thành phần hạt
4. TCVN 14134-4:2024, Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 4: Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo
5. TCVN 14134-5:2024, Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 5: Xác định đương lượng cát
6. TCVN 14135-4:2024, Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 4: Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 µm bằng phương pháp rửa
7. TCVN 14135-5:2024, Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 5: Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng khô

Quyết định số 696/QĐ-BKHCN (22/4/2024)

1. TCVN 12636-16:2024, Quan trắc khí tượng thủy văn – Phần 16: Chính biên tài liệu lưu lượng nước sông vùng ảnh hưởng thủy triều
2. TCVN 12636-17:2024, Quan trắc khí tượng thủy văn – Phần 17: Chính biên tài liệu lưu lượng chất lơ lửng nước sông

Quyết định số 652/QĐ-BKHCN (16/4/2024)

1. Sửa đổi 1:2024 TCVN I-4:2017, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc – Phần 4: Dược liệu và thuốc từ dược liệu
2. Sửa đổi 1:2024 TCVN II:2012, Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Quyết định số 3152/QĐ-BKHCN (21/12/2023):

1. TCVN 13788:2023, Thiết kế có ý thức về môi trường – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn
2. TCVN 13789:2023, Công bố vật liệu dùng cho sản phẩm của ngành kỹ thuật điện
3. TCVN 13790:2023, Hướng dẫn đánh giá sản phẩm liên quan đến các chất hạn chế sử dụng trong các sản phẩm điện và điện tử

4. TCVN 13791:2023, Hòa hòa các tiêu chí về tính năng môi trường đối với các sản phẩm điện và điện tử – Nghiên cứu tính khả thi
5. TCVN 13889:2023, Công bố vật liệu dùng cho sản phẩm của ngành kỹ thuật điện – Hướng dẫn áp dụng TCVN 13789 (IEC 62474)./.

Ngày 03/7/2024, Bộ KH&CN đã ban hành Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BKHCN ngày 03/7/2024 Thông tư Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

Thông tư này quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi tắt là phương tiện đo) bao gồm: Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo; phê duyệt mẫu; kiểm định phương tiện đo.

Thông tư này không áp dụng đối với phương tiện đo bức xạ, hạt nhân, phương tiện đo là hàng hóa được ưu đãi, miễn trừ thủ tục hải quan, hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa gửi kho ngoại quan, hàng hóa phục vụ các yêu cầu khẩn cấp, hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Văn bản hợp nhất các sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TTBKHCHN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024./.

YÊU CẦU CHUNG CHO THIẾT KẾ KHO CHỨA NỔ THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13966-1:2024

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13966-1:2024- ISO 20257-1:2020 về Khí thiên nhiên hóa lỏng- Công trình và thiết bị- Phần 1: Các yêu cầu chung cho thiết kế kho chứa nổ do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoàn toàn tương đương với ISO 20257-1:2020 nhằm hướng dẫn việc thiết kế kho chứa nổ đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về môi trường.



Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chung và các hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn và đáp ứng yêu cầu về môi trường cho quá trình thiết kế và vận hành kho chứa LNG nổi bao gồm các thiết bị để hóa lỏng, tồn chứa, tái hóa khí, giao nhận và xử lý khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với các kho chứa LNG nổi (FLNG); Kho chứa và tái hóa khí nổi (FSRU); Kho nổi tồn chứa LNG – (FSU, đối với các kho chứa LNG nổi ngoài khơi, gần bờ hoặc trên ụ).

Trong giai đoạn nghiên cứu khả thi vị trí dự án, phải thực hiện các đánh giá đề bảo đảm sự phù hợp của vị trí với các dự án phát triển lân cận, nếu có. Phải xác định tuổi thọ thiết kế tổng thể của kho chứa LNG nổi. Tuổi thọ thiết

kế sẽ xác định các kế hoạch lên đà/ụ nổi để bảo dưỡng, ví dụ như kho chứa LNG nổi có thể cần phải duy trì tại vị trí hoạt động trong suốt vòng đời dự án, do đó sẽ không có kế hoạch lên đà bảo dưỡng tạm thời.

Phải thực hiện thẩm tra thiết kế cho hệ thống và các bộ phận trên cơ sở tham chiếu đến một tập hợp các trạng thái giới hạn cụ thể mà nếu vượt quá giới hạn đó kết cấu hoặc hệ thống, thiết bị không còn đáp ứng các yêu cầu thiết kế được quy định. Yêu cầu quan trọng đối an toàn kết cấu và cơ khí là các tải (L) không được vượt quá khả năng chịu tải (C), và có một biên độ an toàn giữa các tải này.

Khi lựa chọn thiết kế nguồn tia lửa cần phải có các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu khác nhau và phải được áp dụng trong thiết kế để tránh sự đánh lửa vào đám mây khí dễ cháy. Tùy thuộc vào vị trí của kho chứa LNG việc nghiên cứu lựa chọn vị trí hoạt động phải bao gồm các yếu tố

thích hợp.

Hệ thống kho chứa LNG nổi phải tuân theo kế hoạch kiểm tra và bảo kiểm định bên trong 5 năm một lần. Việc kiểm tra, giám sát và bảo trì trực hệ thống neo phải phù hợp với ISO 19901-7.

Các yêu cầu về kiểm tra và bảo dưỡng đối với hệ thống giao nhận phải được đưa vào hệ thống bảo dưỡng thiết bị để ghi lại các kế hoạch bảo dưỡng và kiểm tra bao gồm các kết quả tương ứng. Các yêu cầu ít nhất phải tuân theo các khuyến cáo của nhà sản xuất hệ thống giao nhận.

Các tiêu chí vận hành cần lưu ý phải được xem xét trong quá trình thiết kế. Các quy trình vận hành nằm ngoài phạm vi của tiêu chuẩn này. Bảo quản và chống ăn mòn Yêu cầu phải có

các biện pháp chống ăn mòn bề mặt kim loại của thiết bị. Kết cấu bê tông cũng có thể được sơn để bảo vệ chúng khỏi quá trình mài mòn.

Do tính chất của các sản phẩm chính (dễ cháy, độc, thiếu ôxy) được tồn chứa trong các cụm thiết bị kho chứa LNG nổi và các điều kiện vận hành (áp suất, nhiệt độ) luôn gắn liền với nguy

cơ về bệnh nghề nghiệp và các nguy cơ bên ngoài khác. Do đó để hạn chế sự xuất hiện của những tác hại này, cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ ngay từ khâu thiết kế với mục đích chính là bảo vệ con người (bên trong và bên ngoài) cũng như bảo vệ môi trường./.

(Trần Thúy)

XÁC ĐỊNH HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG MÁY HÚT MÙI THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13972:2024

Công suất máy hút mùi là một yếu tố quan trọng cần xem xét khi người tiêu dùng lựa chọn thiết bị. Thông số này cho biết khả năng hút mùi và lưu lượng không khí mà máy hút mùi có thể xử lý trong một khoảng thời gian cụ thể. Đây cũng là yếu tố luôn được các nhà sản xuất chú trọng trước khi đưa sản phẩm của mình ra thị trường. Tuy nhiên để việc xác định hiệu suất năng lượng máy hút mùi đảm bảo chính xác, hiệu quả thì nên tuân theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13972:2024.



Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13972:2024 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hướng dẫn mức hiệu suất năng lượng và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng của máy hút mùi hoạt động bằng nguồn điện lưới, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Theo đó, hiệu suất năng lượng được xác định bằng chỉ số hiệu suất năng lượng (EEI). Đây là tỷ số giữa điện năng tiêu thụ hàng năm và điện năng tiêu thụ hàng năm tiêu chuẩn.

Yêu cầu về hiệu suất năng lượng tối thiểu của máy hút mùi được xác định dựa trên chỉ số hiệu suất năng lượng EEI phải nhỏ hơn hoặc bằng 100. Trong điều kiện thử nghiệm nên áp dụng theo IEC 61591:2024. Ngoài ra điện áp nguồn phải là $220\text{ V} \pm 1\%$, tần số nguồn là $50\text{ Hz} \pm 0,5\text{ Hz}$.

Về phương pháp xác định chỉ số hiệu suất năng lượng (EEI), được tính bằng tỷ số giữa điện năng tiêu thụ hàng năm và điện năng tiêu thụ hàng năm tiêu chuẩn. Cụ thể chỉ số hiệu suất năng lượng sẽ bằng điện năng tiêu thụ hàng năm tiêu chuẩn, tính bằng kWh/năm chia cho điện năng tiêu thụ hàng năm, tính bằng kWh/năm và nhân 100.

Điện năng tiêu thụ hàng năm tiêu chuẩn SAEC được tính bằng 0,55 nhân với công suất điện vào của máy hút mùi tại điểm hiệu quả nhất (BEP), tính bằng óát, và được làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy sau đó cộng với công suất điện vào danh nghĩa của hệ thống chiếu sáng của máy hút mùi lên bề mặt nấu, tính bằng óát, và được làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy (WL) cộng với 15,3.

Điện năng tiêu thụ hàng năm (AEC) đối với máy hút mùi tự động hoàn toàn được tính bằng: Điện năng tiêu thụ hàng năm bằng công suất điện vào của máy hút mùi tại điểm hiệu quả nhất (BEP) nhân với thời gian làm việc trung bình trong một ngày của máy hút mùi. Sau đó tiếp tục nhân với hệ số tăng thời gian, được tính và làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy đem chia cho 60 nhân 1000.

Tiếp tục cộng với công suất điện vào ở chế độ tắt của máy hút mùi, tính bằng oát (P0) được xác định theo IEC 61591:2024, tiếp tục nhân với 1440 trừ đi thời gian làm việc trung bình trong một ngày của máy hút mùi rồi tiếp tục nhân với hệ số tăng thời gian, được tính và làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy rồi đem chia cho 2 nhân 60 nhân 1000.

Những chỉ số trên tiếp tục cộng công suất

điện vào ở chế độ chờ của máy hút mùi được làm tròn đến hai chữ số sau dấu phẩy nhân với 1440 trừ đi thời gian làm việc trung bình trong một ngày của máy hút mùi. Sau đó tiếp tục nhân với hệ số tăng thời gian rồi chia cho 2 nhân 60 nhân 1000. Sau cùng nhân với 365 sẽ ra hiệu suất điện năng tiêu thụ hàng năm của máy hút mùi tự động hoàn toàn./.

(Nguyễn Nam)

CCPR55 BAN KỸ THUẬT CODEX VỀ DƯ LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TRONG THỰC PHẨM ĐẠT ĐỒNG THUẬN CAO

Mới đây tại Thành Đô (Trung Quốc) đã diễn ra Hội nghị lần thứ 55 Ban kỹ thuật Codex quốc tế về Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (CCPR55).



Tham dự Hội nghị có hơn 250 đại biểu của các quốc gia thành viên và tổ chức quan sát viên tham dự. Ông Zhang Xingwang, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc phát biểu khai mạc và chào mừng các đại biểu tham dự Hội nghị.

Theo ông Zhang Xingwang: Trung Quốc là quốc gia chủ trì Hội nghị Ban kỹ thuật Codex về Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật từ năm 2006. Bản thân Trung Quốc cho đến nay đã xây dựng hơn 10.000 mức giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với thực phẩm bảo đảm chất lượng và an toàn cho các sản phẩm nông sản thực phẩm của Trung Quốc.

Trong thời gian diễn ra Hội nghị, các nội dung được thảo luận chủ yếu tập trung vào

mức giới hạn tối đa đối với thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, đây là nội dung chính của Ban kỹ thuật Codex này. Ngoài ra Hội nghị sẽ thảo luận về danh mục ưu

tiên các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật để xuất đánh giá bởi Ủy ban chuyên gia hỗn hợp FAO/WHO về thuốc bảo vệ thực vật (JMPR). Hội nghị đã tập trung thảo luận các nội dung:

Thứ nhất: Mức giới hạn MRLs đối với hoạt chất bảo vệ thực vật ở bước 7 và bước 4;

Thứ 2: Báo cáo thường niên của Hội nghị chuyên gia hỗn hợp của FAO/WHO về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (JMPR);

Thứ 3: Vai trò của Codex liên quan đến các chất ức chế môi trường trong hệ thống nông sản thực phẩm.

Trước khi phiên họp toàn thể diễn ra, đã có 2 phiên họp nhóm trực tuyến tổ chức vào ngày 28/05/2024 và ngày 29/05/2024 để thảo luận các nội dung sau:

Ngày 28/05/2024:

- Nhóm công tác (WG) về quản lý các hoạt chất bảo vệ thực vật ngẫu nhiên không

có mối nguy đối với sức khỏe đã được đưa vào kế hoạch để đánh giá định kỳ;

- Tăng cường quy trình phối hợp hoạt động giữa Ban kỹ thuật Codex về Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (CCPR) và Ủy ban chuyên gia hỗn hợp của FAO/WHO về Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (JMPR);

Ngày 29/05/2024:

- Xây dựng các mức giới hạn tối đa thuốc bảo vệ thực vật theo phương pháp ngoại suy đối với sản phẩm cà tím;
- Hướng dẫn kiểm soát độ tinh khiết và tính ổn định của chất chuẩn và các dung dịch gốc tương ứng của hoạt chất bảo vệ thực vật trong quá trình bảo quản kéo dài;

Sau 5 ngày thảo luận, Hội nghị đã thống nhất trình lên CAC 47 (2024) để thông qua các nội dung sau:

1. Các điều khoản mức giới hạn tối đa đối với **29 hoạt chất bảo vệ thực vật** trong một số

nhóm thực phẩm và thức ăn ăn nuôi ở bước 5/8;

2. Thu hồi lại một số điều khoản mức sử dụng tối đa đối với **16 hoạt chất bảo vệ thực vật** trong một số nhóm sản phẩm thực phẩm

3. Danh mục ưu tiên các hoạt chất bảo vệ thực vật đề nghị JMPR đánh giá về tính an toàn và sử dụng trong một số nhóm thực phẩm (bao gồm danh mục các hoạt chất bảo vệ thực vật mới và chức năng sử dụng mới, kế hoạch đánh giá định kỳ đối với các hoạt chất đã được sử dụng trước đó);

4. Sửa đổi một số điều khoản mức giới hạn tối đa hoạt chất bảo vệ thực vật đối với nhóm thực phẩm và phân nhóm “Peppers”;

5. Sửa đổi và bổ sung thêm phân nhóm sản phẩm vào nhóm thực phẩm số “069: Miscellaneous derived edible products of plant origin”;

Hội nghị lần thứ 56 Ban kỹ thuật Codex quốc tế về Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (CCPR56) dự kiến sẽ được tổ chức vào nửa cuối tháng 5 năm 2025./.

(Trần Thúy)

GIỚI HẠN CÁC CHẤT Ô NHIỄM TRONG THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

Đây là QCVN 20-1:2024/BYT do Ban soạn thảo xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe biên soạn, Cục An toàn thực phẩm trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư số 12/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 7 năm 2024.



Theo đó, Quy chuẩn kỹ thuật này quy định giới hạn tối đa các chất ô nhiễm (kim loại nặng và vi sinh vật); lấy mẫu và phương pháp thử; yêu cầu quản lý; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng đối với sản phẩm rượu bổ được công bố là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Việc lấy mẫu sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Về phương pháp xác định các chỉ tiêu kim loại nặng bao gồm: Phương pháp xác định hàm lượng arsen; Phương pháp xác định hàm lượng

cadmi, chì; Phương pháp xác định hàm lượng thủy ngân.

Còn phương pháp thử xác định vi sinh vật bao gồm: Phương pháp xác định chỉ tiêu Tổng số vi sinh vật hiếu khí; Phương pháp xác định chỉ tiêu Tổng số nấm men, nấm mốc; Phương pháp xác định chỉ tiêu Escherichia coli; Phương pháp định tính và định lượng; Phương pháp xác định chỉ tiêu Staphylococcus aureus; Phương pháp xác định chỉ tiêu Salmonella spp; Phương pháp xác định chỉ tiêu Enterobacteriaceae (Vi khuẩn Gram âm dung nạp mật); Phương pháp xác định chỉ tiêu Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TSVSVHK) (không bao gồm chủng nấm men là thành phần sản phẩm) trong sản phẩm chứa thành phần probiotic thuộc nhóm nấm men; Phương pháp xác định chỉ tiêu Vi khuẩn không sinh acid lactic.

Ghi nhãn thực phẩm bảo vệ sức khỏe thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính

phủ về nhãn hàng hoá; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải được tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố sản phẩm dựa trên kết quả kiểm nghiệm của phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 17025 theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Hồ sơ, trình tự đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm./.

(Thanh Thúy)

CHỈ SỐ PII: CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG VÀ HỖ TRỢ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CẤP ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỐC GIA

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) khuyến nghị Việt Nam cần xây dựng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nhằm đánh giá cụ thể hơn tại các vùng, tỉnh và bang, hỗ trợ hoạch định chính sách chi tiết và hiệu quả hơn.

Theo ông Carsten Fink - Kinh tế trưởng của WIPO, khảo sát của WIPO tại các quốc gia thành viên đã cho thấy rằng Chỉ số Đổi mới Sáng tạo toàn cầu (GII) do WIPO công bố hàng năm đang được sử dụng rộng rãi. Cụ thể, 53% quốc gia sử dụng để cải thiện các chỉ số về đổi mới sáng tạo (ĐMST), 65% quốc gia sử dụng để cải thiện hệ sinh thái ĐMST, và 45% sử dụng GI như công cụ tham chiếu cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hoặc đặt mục tiêu về ĐMST. Chỉ số GI không chỉ cung cấp đánh giá ĐMST các quốc gia ở cấp độ toàn cầu mà còn có thể đánh giá ĐMST ở cấp vùng, tỉnh, và bang

của một quốc gia, qua đó nhận diện được các điểm mạnh, điểm yếu của các địa phương.

Ông Raul Barba - Đại diện Philippines nhấn mạnh vai trò quan trọng của ĐMST trong việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. ĐMST không chỉ tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới mà còn cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả và giải quyết các thách thức của xã hội. Chỉ số GI của WIPO cung cấp bộ công cụ và chuẩn mực tốt nhất để đo lường năng lực và kết quả ĐMST của các quốc gia, đánh giá tiến độ đạt được trong việc tận dụng sự đổi mới để phát triển, tăng trưởng kinh tế - xã hội, đồng thời chỉ ra những khoảng cách và thách thức phải đối mặt. Ông Barba cho biết, Chỉ số GI của Philippines đã tăng từ vị trí 73 năm 2019 lên vị trí 56 năm 2023, và đã tác động đến việc xây dựng chiến lược, chính sách mới, chương trình nghị sự đổi mới quốc gia. Tuy nhiên, mỗi vùng miền trong một quốc gia đều có điểm mạnh, điểm yếu và



Ông Carsten Fink - Kinh tế trưởng của WIPO (ở giữa).

ơ hội riêng nên cần xây dựng Chỉ số PII nhằm giải quyết các thách thức và thúc đẩy ĐMST cấp địa phương.



Đại diện phía Việt Nam, ông Nguyễn Võ Hưng - Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST), Bộ KH&CN chia sẻ kinh nghiệm của Việt Nam trong thử nghiệm Chỉ số PII năm 2022 với 20 địa phương và chính thức triển khai với 63 địa phương trên toàn quốc từ năm 2023. Chỉ số PII của Việt Nam được xây dựng dựa trên khung Chỉ số GII của WIPO với phương pháp xây dựng chỉ số tổng hợp theo chuẩn quốc tế. Trong quá trình thực hiện, các chuyên gia của WIPO đã tích cực hỗ trợ Việt Nam về chuyên môn và phương pháp luận.

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên KH,CN&ĐMST, việc có một

công cụ để đo lường, đánh giá toàn diện ở cấp độ quốc gia và địa phương là cần thiết, từ đó giúp lãnh đạo các cấp nhận diện được các điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần cải thiện. Chỉ số GII đã được Chính phủ sử dụng trong quản lý điều hành từ năm 2017 nhưng các địa phương hiện chưa có bộ công cụ đánh giá phù hợp. Vì vậy, Chính phủ đã giao Bộ KH&CN áp dụng Chỉ số GII để xây dựng Chỉ số PII của Việt Nam. Chỉ số PII của Việt Nam có điểm mới, có thể coi là điểm sáng tạo so với Chỉ số GII, đó là đưa vào khung chỉ số một trụ cột Tác động, thể hiện tác động của KH,CN&ĐMST đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ông Marco M. Aleman - Trợ lý Tổng Giám đốc WIPO, cho biết WIPO cam kết sẽ tiếp tục việc đánh giá ĐMST ở cấp quốc gia để nghiên cứu và cung cấp bộ công cụ đánh giá ĐMST ở cấp vùng và địa phương thông qua một số hoạt động như tổ chức hội thảo kỹ thuật hằng năm về đánh giá ĐMST ở cấp địa phương để các quốc gia chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm, tiếp tục cung cấp hỗ trợ trong các nội dung khác nhau, đặc biệt là các vấn đề kỹ thuật như phương pháp quản lý dữ liệu và tính toán chỉ số tổng hợp. WIPO luôn sẵn sàng và khuyến khích các quốc gia thành viên tận dụng các dịch vụ hỗ trợ này trong thời gian tới./.

(Thanh Thúy)

HÀ TỈNH: THỰC HIỆN TRUY XUẤT NGUỒN GỐC KHẲNG ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ NÂNG CAO GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Hà Tĩnh đang tích cực hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, khẳng định sự uy tín, tránh hàng giả hàng nhái từ đó nâng cao giá trị sản phẩm.

Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Hà Tĩnh đã đưa vào vận hành và sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Hà Tĩnh. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là đơn vị trực tiếp vận hành và quản lý, đã hướng dẫn và hỗ trợ hơn 100 cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia hệ thống và sử dụng tem truy xuất nguồn gốc.

Một số sản phẩm chất lượng đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường như: Nhung hươu Hiền Ngọc, Nhung hươu Thuận Hà (Hương Sơn); Sen Hào Thành (thành phố Hà Tĩnh); Bánh đa vùng Nguyên Lâm (huyện Kỳ Anh); Nước mắm Luận Nghiệp (thị xã Kỳ Anh); Kẹo cu đơ Phong Nga (Thạch Hà); và Mật ong Hương Bưởi (Hương Khê).

Bước đầu, hệ thống này được đánh giá là

không chỉ đáp ứng yêu cầu truy xuất sản phẩm, kết nối trực tiếp nhà sản xuất với người tiêu dùng, mà còn hướng tới trở thành một sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín để giới thiệu sản phẩm đặc trưng của Hà Tĩnh. Qua khảo sát, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh cho thấy việc tham gia vào hệ thống đã góp phần làm tăng giá trị sản phẩm.

Là một trong những đơn vị tham gia vào hệ thống từ sớm, chị Lê Thị Hằng Nga – thành viên hợp tác xã (HTX) thu mua và chế biến thủy, hải sản Chiến Thắng (thị xã Kỳ Anh) chia sẻ: “Việc tiếp cận với hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh đã giúp cơ sở thuận tiện hơn trong quá trình kinh doanh. Qua hệ thống mã QR truy xuất nguồn gốc, chúng tôi muốn chứng minh với người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm của mình thông qua minh bạch quá trình làm ra sản phẩm, từ vùng nguyên liệu đến khâu thu hoạch, chế biến và phân phối đến tay người tiêu dùng. Hệ thống còn giúp cơ sở khẳng định uy tín, tạo được sự tin cậy của khách hàng, qua đó, tăng giá trị sản phẩm.”

Tương tự, với sự bảo chứng từ tem truy xuất nguồn gốc, sản phẩm Nhung hươu Hiền Ngọc đã có mặt trên thị trường nhiều tỉnh, thành trên cả nước. Chị Nguyễn Thu Hiền – Giám đốc Công ty TNHH và TMDV Nhung hươu Hiền Ngọc cho biết: “Được sự quan tâm, chuyển giao kỹ thuật từ Sở KH&CN,



chúng tôi đã thực hiện dán tem truy xuất và cập nhật các sản phẩm lên cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh. Qua đó, tạo được niềm tin trong lòng khách hàng, tránh được tình trạng hàng giả, hàng nhái, từ đó đưa sản phẩm đi xa hơn.”

Đánh giá bước đầu cho thấy việc đưa hệ thống truy xuất vào hoạt động đã tạo sự thống nhất trong quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh; tạo lập cơ sở dữ liệu đồng bộ nhằm tiến tới kết nối với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; góp phần công khai, minh bạch thông tin cho các sản phẩm của địa phương, giám hành vi gian lận thương mại; giúp nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo thương hiệu,

uy tín và nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa.

Ông Bùi Khắc Bằng – Phó Giám đốc Sở KH&CN Hà Tĩnh nhấn mạnh, với việc tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, từ khâu sản xuất đến các khâu bảo quản, chế biến và tiêu thụ sẽ giúp các cơ sở sản xuất khẳng định vị thế, uy tín, chất lượng và cơ hội mở rộng thị trường; giúp người tiêu dùng và các cơ quan quản lý Nhà nước nắm rõ hơn về nguồn gốc và chất lượng của sản phẩm, tránh được vấn nạn hàng giả, hàng nhái. Sở KH&CN sẽ luôn hỗ trợ và đồng hành cùng các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh đăng ký tham gia vào hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm./.

(Hồng Vân)

PHÁT TRIỂN LOẠT TIÊU CHUẨN, ĐƯA XE ĐIỆN ĐẾN GẦN HƠN VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Xe điện (EV) đang dần được kỳ vọng sẽ là một phương tiện chủ yếu trong tương lai, xóa bỏ dần dòng xe xăng gây ảnh hưởng đến môi trường nhưng vẫn còn nhiều thách thức khác đang là mối cản trở cho sự phát triển của dòng xe này. Vì vậy, nhiều quốc gia hy vọng rằng các tiêu chuẩn quốc tế là công cụ giá trị trong việc tạo điều kiện thuận lợi giúp thị trường EV thực sự phát triển mạnh mẽ.



Tiêu chuẩn có tác động làm giảm rào cản thương mại quốc tế

Tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với đánh giá sự phù hợp, là những công cụ đã được chứng

minh để tăng cường sự hợp tác toàn cầu và cho phép thị trường các nước giao lưu dễ dàng hơn, một cách công bằng và bình đẳng. Tiêu chuẩn quốc tế giúp cung cấp hướng dẫn kỹ thuật để đảm bảo an toàn, khả năng tương tác và chất lượng, đồng thời cân bằng sân chơi bằng cách cung cấp thông lệ tốt nhất được quốc tế thống nhất để các nước có thể cùng sử dụng một quy định chung.

Cụ thể, IEC có một số ủy ban kỹ thuật xây dựng các tiêu chuẩn hỗ trợ sự tăng trưởng an toàn và bền vững của thị trường EV. Ví dụ, TC 57 công bố loạt tiêu chuẩn IEC 61850, các tiêu chuẩn cho lưới điện thông minh, đặc biệt giải quyết các vấn đề như tích hợp năng lượng tái tạo và EV trong mạng lưới điện.

Bộ tiêu chuẩn IEC 62196 tập trung vào các yêu cầu đối với phích cắm, ổ cắm, đầu nối xe, đầu vào xe để giao diện giữa EV và hệ thống sạc EV. Tiêu chuẩn IEC 62196-1, Phích cắm, ổ cắm, đầu nối xe và đầu vào xe – Sạc dẫn điện cho xe điện – Phần 1: Yêu cầu chung, mô tả giao diện giữa xe điện và trạm sạc và xác định các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm cho các phụ kiện được sử dụng.

Hỗ trợ cơ sở hạ tầng sạc an toàn

Một rào cản đáng kể đối với việc áp dụng EV vào thị trường là mối quan tâm về việc thiếu các trạm sạc hoặc thời gian sạc mỗi lần. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế IEA, phần lớn EV được sạc tại nhà nhưng cần nhiều cơ sở hạ tầng công cộng hơn và tin tốt là chúng đang được xây dựng rộng rãi, nhanh chóng, chỉ riêng năm 2023, số lượng cơ sở sạc công cộng đã tăng hơn 40% trên toàn thế giới. Các tiêu chuẩn được phát triển gần đây cũng đang tập trung hỗ trợ điều này.

Ví dụ, EU gần đây đã đưa ra quy định về cơ sở hạ tầng nhiên liệu thay thế (AFIR), theo đó sẽ yêu cầu phải có bộ sạc nhanh công cộng sau mỗi 60 km dọc theo các hành lang giao thông chính của EU. Trung Quốc cũng đang tăng cường nỗ lực phát triển cơ sở hạ tầng sạc bằng cách mở rộng phạm vi phủ sóng nông thôn và hướng tới mục tiêu phủ sóng toàn bộ ở các thành phố và đường cao tốc vào năm 2030.

Tiêu chuẩn IEC và đánh giá sự phù hợp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự liên mạch cho việc sạc EV ở nhiều quốc gia khác nhau, do đó làm giảm sự lo lắng về phạm vi hoạt động và thúc đẩy việc áp dụng. Tiêu chuẩn IEC TC 69 xây dựng các tiêu chuẩn cho hệ thống truyền năng lượng và điện năng cho các phương tiện đường bộ chạy bằng điện – bao gồm cả EV. Bao gồm loạt IEC 61851 cho hệ thống sạc dẫn điện. Loạt IEC 61980 cung cấp hướng dẫn về thiết bị cung cấp để sạc EV bằng phương pháp không dây.

Một trong bốn Hệ thống đánh giá sự phù hợp của IEC, IECCEE (Hệ thống đánh giá sự phù hợp của IEC dành cho thiết bị và linh kiện điện tử) có chương trình cụ thể dành cho EV thông qua các phòng thử nghiệm của tổ chức chứng nhận đã đăng ký (CBTL) và các tổ chức chứng nhận quốc gia (NCB). Họ có thể thử nghiệm và chứng nhận các hệ thống, trạm sạc và phích cắm theo Tiêu chuẩn IEC.

Đảm bảo chất lượng pin tối ưu

Pin EV cũng đã trở thành tâm điểm chú ý trong những năm gần đây do lo ngại về việc khai thác kim loại quý như lithium và lo ngại về tính an toàn của nó. IEC TC 21 công bố các tiêu chuẩn quốc tế cho các nguyên liệu lithium-ion bao gồm loạt tiêu chuẩn IEC 62660 về các nguyên liệu lithium-ion thứ cấp để thúc đẩy hoạt động của EV. Tiêu chuẩn gồm ba phần: thử nghiệm hiệu suất, thử nghiệm độ tin cậy và các yêu cầu về an toàn.

Kiểm tra và chứng nhận đóng vai trò quan trọng trong sự an toàn và hiệu suất của pin. IECCEE cung cấp danh mục dịch vụ chứng nhận rộng bao gồm an toàn pin, hiệu suất pin, an toàn pin khi lắp vào sản phẩm cuối, hiệu quả năng lượng, EMC và các chất nguy hiểm.

Để xã hội hoàn toàn sử dụng xe điện thì cần đưa phương tiện này trở nên phổ biến, phát triển rộng rãi hơn như tàu hỏa và tàu điện. Và ủy ban tiêu chuẩn IEC đang góp phần vào sự hợp tác và khả năng tương tác cần thiết để thị trường xe điện phát triển theo cách công bằng và bền vững./.

(Yến Hoa)

ỦY BAN TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ASTM CHẤP NHẬN ĐƯA HỢP CHẤT LÀM MÁT DÀNH CHO XE ĐIỆN SỬ DỤNG RỘNG RÃI TRÊN THỊ TRƯỜNG

Ủy ban chất làm mát động cơ của ASTM International (D15) đã phê duyệt hai tiêu chuẩn liên quan đến chất làm mát có chứa gốc glycol cho Xe điện chạy bằng pin nhiên liệu (FCEV) và Xe điện (EV). Ngoài ra, Ủy ban đang phát triển hai tiêu chuẩn cho chất làm mát không chứa nước để sử dụng trong EV.

Đây là một trong những nỗ lực của Ủy ban tiêu chuẩn quốc tế ASTM giúp thúc đẩy thị trường xe điện phát triển rộng rãi trong tương lai.

Tiêu chuẩn chất làm mát gốc glycol mới được phê duyệt có số hiệu là D8565 được sử dụng trong dòng xe FCEV khi chất làm mát tiếp



xúc với cụm pin nhiên liệu. Còn tiêu chuẩn D8566 được sử dụng trong EV có độ dẫn điện thấp để giảm thiểu nguy cơ gây hại do chất làm mát tiếp xúc với pin.

Dung dịch làm mát động cơ là một loại chất lỏng được sử dụng để giảm nhiệt độ của động cơ trong quá trình hoạt động. Sản phẩm này đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc giữ cho động cơ hoạt động trong khoảng nhiệt độ an toàn và ổn định. Từ đó, giúp bảo vệ các bộ phận bên trong của động cơ khỏi sự tổn hại do nhiệt độ cao.

Được biết, các loại dung dịch làm mát phổ biến nhất được sử dụng trong động cơ ô tô và xe máy bao gồm nước và các loại hỗn hợp chứa nước và chất ức chế đông đặc (antifreeze), thường là ethylene glycol hoặc propylene glycol hay được gọi chung là chất làm mát có chứa gốc glycol. Những loại dung dịch này được bơm qua hệ thống làm mát của động cơ để hấp thụ nhiệt độ và sau đó đến bộ phận tản nhiệt để giảm nhiệt độ. Chất làm mát có vai trò giảm nhiệt độ động cơ sẽ giúp kéo dài tuổi thọ và tăng hiệu suất làm việc của động cơ. Không chỉ giúp làm mát, giảm nhiệt độ cho xe ô tô, dung dịch làm mát còn có vai trò bôi trơn và bảo vệ các bộ phận của động cơ khỏi sự ăn mòn và mài mòn. Nó cũng giúp bảo vệ động cơ khỏi các tác động của oxy hóa và các chất phân hủy khác. Trong dung dịch làm mát thường chứa

các chất ức chế đóng băng, giúp ngăn ngừa đóng băng của nước trong các điều kiện thời tiết lạnh. Nước làm mát cũng giúp giảm ăn mòn của các bộ phận của động cơ ô tô. Ngoài ra, nếu biết cách sử dụng dung dịch làm mát đúng loại và đúng lượng sẽ giúp đảm bảo động cơ hoạt động có hiệu suất tối ưu. Từ đó, giúp tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải độc hại ra môi trường.

Tiêu chuẩn được đề xuất, WK80854 sẽ bao gồm chất làm mát điện môi đóng vai trò là chất

cách điện khi chất làm mát tiếp xúc trực tiếp với các thành phần điện. Chất làm mát không chứa nước được mô tả trong WK87295 sẽ phù hợp với cấu hình ắc quy xe mới, cho phép sạc nhanh và mở rộng phạm vi hoạt động của xe. "Các tiêu chuẩn sẽ làm giảm sự lo lắng về phạm vi hoạt động và nhu cầu mở rộng cơ sở hạ tầng sạc", thành viên ASTM, ông Allan Morrison cho biết. "Chúng cũng sẽ hướng dẫn người tiêu dùng lựa chọn chất làm mát khi bảo dưỡng hệ thống làm mát của họ".

Các tiêu chuẩn này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn hóa công nghệ chất làm mát cho các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) của xe, xác định các thử nghiệm hiệu suất cần thiết và cung cấp cho các cơ quan quản lý một tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu về chất lượng sản phẩm và thực thi nhãn mác. Chúng cũng sẽ giúp hướng dẫn các phòng thử nghiệm mở rộng năng lực phân tích của mình để đáp ứng các thử nghiệm chuyên biệt cho các chất làm mát này.

Ông Morrison cũng cho biết: "Tiểu ban chất làm mát cho xe điện (D15.26) có sự tham gia của những chuyên gia, kỹ sư trong ngành giúp xác định các thông số vật lý, hóa học và hiệu suất cần thiết cũng như tham gia vào việc phát triển các phương pháp thử nghiệm để xác nhận các thông số đó"./.

(An Hạ)

XÂY DỰNG MỘT TIÊU CHUẨN CHUNG CHO TOÀN BỘ MÁY HÚT BỤI TRÊN THẾ GIỚI

Thị trường sản phẩm máy hút bụi sẽ càng mở rộng hơn, lưu thông trao đổi hàng hóa giữa các nơi cũng sẽ trở nên dễ dàng, chất lượng đảm bảo hơn khi có chung một quy định về tiêu chuẩn dành cho loại máy này.



Hầu hết bây giờ mọi gia đình đều sử dụng máy hút bụi, đó là một công cụ tối ưu hỗ trợ việc dọn dẹp nhà cửa trở nên dễ dàng hơn. Các thiết bị gia dụng như máy hút bụi là một ngành kinh doanh lớn, mang lại giá trị kinh tế không nhỏ, tuy nhiên khi chúng càng được tích hợp nhiều chức năng trong một bộ máy sẽ nảy sinh ra nhiều vấn đề về hiệu suất và an toàn, từ khả năng vệ sinh hiệu quả đến độ bền, khả năng bảo dưỡng, v.v. Đây là lý do tại sao ủy ban về máy hút bụi (F11) thuộc Ủy ban tiêu chuẩn quốc tế ASTM được thành lập vào năm 1972, nhằm tạo ra các tiêu chuẩn cho ngành công nghiệp để đo lường các khía cạnh quan trọng của sản phẩm, bao gồm hiệu quả lọc, hiệu suất không khí, khả năng vệ sinh, độ tin cậy, v.v.

Theo ông Ron Battema, thành viên lâu năm của F11 và là cố vấn ngành, cho biết: “Quay trở lại đầu những năm 1970, các nhà sản xuất liên tục đưa ra những lời quảng cáo thu hút người tiêu dùng là “Máy hút bụi của tôi tốt hơn máy của họ”, “Máy của chúng tôi mạnh

hơn”, v.v. Tuy nhiên, tại thời điểm đó chưa hề có một chứng nhận nào công nhận là sản phẩm của bên nào là tốt nhất, tối ưu nhất. Chính vì vậy Ủy ban Thương mại Liên bang đã yêu cầu ngành công nghiệp này cần ban hành những quy định chung để có thể đánh giá chính xác sản phẩm này dựa trên các tiêu chí chung. Đó cũng chính là lí do để thành lập ủy ban F11.

Hiện nay, ủy ban F11 đang hợp tác với Ủy ban SC59F của Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC) để tạo ra các tiêu chuẩn chung cho máy hút bụi sử dụng trên toàn thế giới. Ủy ban IEC là một tổ chức tiêu chuẩn quốc tế tạo ra các tiêu chuẩn cho tất cả các công nghệ điện, điện tử và các công nghệ liên quan. Từ trước đến nay Ủy ban IEC cũng đã công bố nhiều tiêu chuẩn liên quan về vấn đề điện đối với sản phẩm này, các tiêu chuẩn này đều tách biệt hẳn với tiêu chuẩn của Ủy ban F11. Tuy nhiên để đảm bảo một quy định chung về các tiêu chuẩn giữa các nước nên hai ủy ban đã cùng làm việc với nhau để thống nhất xây dựng những quy định chung dành riêng cho máy hút bụi cũng như xây dựng logo chung giữa hai bên. Việc hợp tác giữa hai bên ủy ban nhằm nỗ lực xác nhận các tiêu chuẩn làm 1, dựa theo những yêu cầu chung của ủy ban IEC, cũng như có thể dễ dàng lấy ý kiến đóng góp từ những công ty, doanh nghiệp trong ngành này hay thậm chí từ người tiêu dùng.

Nỗ lực hợp tác đầu tiên được đánh dấu là cả hai ủy ban cùng thống nhất xây dựng tiêu chuẩn về thiết bị hút bụi dành cho sàn gạch ướt, (với tên viết tắt là F11.40). Cả hai ủy ban đang áp dụng phương pháp thử nghiệm để đánh giá hiệu quả làm sạch sàn bằng hệ thống làm sạch hút ướt (F2828). Thử nghiệm này đã được IEC xây dựng thành một tiêu chuẩn riêng (IEC 62885-3) nhưng giờ đây nó sẽ được chính sửa lại theo một khung thống nhất. Ngoài ra cả hai ủy ban cũng đang tiến hành xây dựng lại tiêu chuẩn về sản phẩm hút bụi robot (F11.51)

hay về sản phẩm hút bụi không dây chạy bằng pin (F11.52).

Tất cả những nỗ lực này sẽ giúp cả hai ủy ban ASTM và IEC có thể phát triển những tiêu chuẩn chung nhằm cho ra những sản phẩm tốt

hơn cho ngành công nghiệp máy hút bụi không chỉ trong thị trường Mỹ, Châu Âu mà có thể sang cả những quốc gia khác./.

(Phạm Trang)

THIẾT LẬP TIÊU CHUẨN CHO ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PVC AN TOÀN HƠN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Tổ chức tiêu chuẩn Úc (Standards Australia) đã công bố tiêu chuẩn mới AS/NZS 5395, Ống và phụ kiện PVC Ứng dụng trong môi trường tốt nhất, đánh dấu một mốc quan trọng trong ngành PVC. Tiêu chuẩn này được xem là tiêu chuẩn đầu tiên trên thế giới, được phát triển riêng cho ống và phụ kiện PVC.



Tiêu chuẩn mới này áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khâu sản xuất nhựa PVC và sử dụng phụ gia đến khâu sản xuất thành phẩm và cân nhắc đến việc kết thúc vòng đời sản phẩm. Được Hội đồng Xây dựng Xanh của Úc công nhận, tiêu chuẩn này phù hợp với tầm nhìn về một môi trường xây dựng lành mạnh hơn, bền vững hơn và tuần hoàn hơn. Tiêu chuẩn này đảm bảo rằng ống và phụ kiện PVC của Úc không chứa các chất độc hại như phthalate, dioxin hoặc phụ gia kim loại nặng. Những ống này cung cấp mức độ an toàn cao nhất để dẫn nước uống, bảo vệ nước khỏi các chất gây ô nhiễm. Trên hết, tiêu chuẩn này mang đến cho người tiêu dùng sự an tâm khi

biết rằng họ đang lựa chọn các sản phẩm PVC an toàn, thân thiện với môi trường và chất lượng cao.

Bà Kareen Riley-Takos, Giám đốc điều hành của Standards Australia, cho biết thêm, “Việc ra mắt tiêu chuẩn này là một bước tiến quan trọng hướng tới phát triển bền vững và quản lý môi trường. Ngoài việc đảm bảo sự an toàn và chất lượng của ống và phụ kiện PVC, tiêu chuẩn này còn đóng góp đáng kể vào tầm nhìn của chúng tôi về nền kinh tế tuần hoàn. Đây cũng là niềm tự hào của Standards Australia trong việc tiên phong thiết lập các thông lệ môi trường tốt nhất trong ngành PVC, thiết lập chuẩn mực toàn cầu để những tổ chức khác có thể noi theo”.

Ống và phụ kiện PVC đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tuần hoàn, sử dụng tài nguyên tốt hơn, có dòng tài nguyên vòng kín và ngăn ngừa chất thải và ô nhiễm thông qua thiết kế đúng chuẩn. Sản phẩm được thiết kế theo tiêu chuẩn sẽ đảm bảo an toàn cho con người và hành tinh, hỗ trợ mọi thứ từ cung cấp nước uống, khí đốt và điện cho các cộng đồng trên toàn quốc. Chúng dẫn nước thải, nước mưa và nước mưa một cách an toàn, bảo vệ môi trường và thậm chí là bảo vệ mạng lưới cáp. Ngoài ra, ống PVC được sử dụng trong các hệ thống tưới tiêu giúp trồng thực phẩm thiết yếu cho chúng ta và phần còn lại của thế giới. Chính vì vậy, việc xây dựng tiêu chuẩn Ống và phụ kiện PVC Ứng dụng trong môi trường tốt nhất sẽ là một cách đảm bảo an toàn, thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất ống nhựa và phụ kiện PVC.

Trước đó, nhiều người lầm tưởng rằng ống nhựa là một trong những tác nhân gây ra ô nhiễm môi trường, nhưng khi áp dụng tiêu chuẩn, các ống nhựa sẽ phải đảm bảo một cam kết về tính thân thiện môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững. Ống nhựa PVC có thể tái chế 100%, có tuổi thọ 100 năm và có thể tái chế cơ học từ 8 đến 10 lần mà không làm mất đi các đặc tính kỹ thuật của nó.

Tiêu chuẩn AS/NZS 5395 này cũng có sự hợp tác giữa Hội đồng hạn chế ống nhựa công nghiệp Úc (PIPA) và Standards Australia khi họ nhận ra tầm quan trọng của ống nhựa mà không sản phẩm nào có thể thay thế được.

Theo bà Cindy Bray, Tổng giám đốc điều hành, PIPA, khẳng định “Việc phát triển tiêu chuẩn mới cho thấy cam kết của ngành ống và phụ kiện nhựa trong việc đảm bảo mức độ an toàn và cân nhắc về môi trường cao nhất. Những yêu cầu sẽ phải đảm bảo các khâu: bộ chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất, nhà sản xuất và cân nhắc về cuối vòng đời. Chúng tôi tự hào được là một phần quan trọng trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn cho ngành ống và phụ kiện PVC, góp phần tạo nên một môi trường xây dựng lành mạnh hơn, bền vững hơn và tuần hoàn hơn.”./.

(Bảo Linh)

TIÊU CHUẨN ISO 45001:2018 TẬP TRUNG VÀO AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

ISO 45001:2018 là một trong những tiêu chuẩn phổ biến nhất trên thế giới về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp, được áp dụng hầu hết trong tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực. ISO 45001:2018 đang trở thành chuẩn mực của bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp nào có mục tiêu hướng đến phát triển bền vững.



Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 là một trong những tiêu chuẩn quan trọng của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), tập trung chủ yếu vào lĩnh vực an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp. ISO 45001:2018 được công bố vào tháng 3 năm 2018, thay thế tiêu chuẩn OHSAS18001 và mang lại cải tiến đáng kể về

quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Áp dụng ISO 45001:2018 như một cách để quản lý và giảm thiểu rủi ro an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tăng cường hiệu suất của nhân viên trong môi trường làm việc an toàn, lành mạnh. Khi triển khai áp dụng ISO 45001:2018, các doanh nghiệp đạt được kết quả, hiệu quả trên nhiều mặt.

Về kinh tế - xã hội và môi trường: Thông qua áp dụng ISO 45001:2018, doanh nghiệp chủ động, nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu luật định và các yêu cầu khác về quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp; phòng tránh rủi ro về pháp lý và khiếu nại về an toàn lao động, môi trường lao động, đảm bảo người lao động tham gia sản xuất, ngăn ngừa hạn chế các tổn thương và bệnh tật cho người lao động,... góp phần phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

Về hiệu quả đối với doanh nghiệp: Giúp loại bỏ mối nguy, giảm thiểu rủi ro an toàn và sức khỏe nghề nghiệp bằng việc thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa có hiệu lực, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động; Giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề

ng nghiệp và rủi ro bị xử phạt về an toàn, vệ sinh lao động...;

Giảm thời gian dừng máy và chi phí gián đoạn hoạt động sản xuất, bao gồm khắc phục sự cố thiết bị; Giảm chi phí bảo hiểm; Giảm sự vắng mặt và tỷ lệ luân chuyển lao động; Nâng cao uy tín với khách hàng, chuỗi cung ứng và cơ quan pháp luật... Những lợi ích này sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững, nâng cao năng suất và chất lượng của doanh nghiệp.



ISO 45001:2018 không nhằm mục đích ràng buộc về mặt pháp lý, mà nó là một công cụ quản lý để các tổ chức sử dụng một cách tự nguyện nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu rủi ro gây

hại. ISO 45001:2018 được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp không phân biệt quy mô, loại hình, mức độ phức tạp hay dịch vụ, sản phẩm cung cấp.

Tại Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại HEVI là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì carton các loại. Sau hơn 10 tháng triển khai áp dụng ISO 45001:2018, Công ty đã được Trung tâm Chứng nhận phù hợp (QUACERT) đánh giá, cấp Giấy chứng nhận phù hợp ISO 45001:2018.

Việc áp dụng ISO 45001:2018 tại Công ty bước đầu mang lại kết quả tích cực nhất định. Cụ thể, Công ty đã chứng tỏ được khả năng quản lý rủi ro, cải tiến kết quả thực hiện về an toàn sức khỏe nghề nghiệp, ngăn ngừa thương tật và đau ốm liên quan tới công việc, cung cấp nơi làm việc an toàn.

Quan trọng hơn, ISO 45001:2018 giúp nâng cao nhận thức về an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động nhằm giúp họ có khả năng nhận biết rõ mối nguy và giảm thiểu rủi ro bằng việc thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa có hiệu lực, giúp người lao động yên tâm trong hoạt động sản xuất./

(*Hồng Anh*)

TIÊU CHUẨN SEDEX – SMETA ĐẢM BẢO ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Tiêu chuẩn Sedex-SMETA được viết tắt của cụm từ tiếng anh “Sedex Members Ethical Trade Audit” được phát triển nhằm tạo ra khuôn khổ và quy định rõ ràng, giúp doanh nghiệp thực hiện kiểm soát và quản lý hiệu quả yếu tố về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong quá trình sản xuất, hoạt động.

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hướng đến phát triển bền vững, việc đảm bảo đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng là yêu cầu tất yếu của mỗi tổ chức, doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn Sedex-SMETA được viết tắt của cụm từ tiếng anh “Sedex Members Ethical Trade Audit” được phát triển nhằm tạo ra

khuôn khổ và quy định rõ ràng, giúp doanh nghiệp thực hiện kiểm soát và quản lý hiệu quả yếu tố về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong quá trình sản xuất, hoạt động.

Tuân thủ tiêu chuẩn Sedex-SMETA mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Ảnh minh họa.

Tiêu chuẩn không chỉ tập trung vào các yêu cầu về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội mà còn đảm bảo tính minh bạch, trung thực trong quản lý chuỗi cung ứng. Việc tuân thủ tiêu chuẩn Sedex-SMETA mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp.

Trước tiên, tiêu chuẩn Sedex-SMETA giúp doanh nghiệp xây dựng lòng tin với khách hàng và có cơ hội trở thành nhà cung cấp tin cậy của



nhiều đối tác. Khách hàng và đối tác có thể yên tâm về mức độ tuân thủ đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đã áp dụng và hoàn thành đánh giá Sedex-SMETA.

Mặt khác, tiêu chuẩn Sedex-SMETA giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định và luật pháp về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Từ đó, doanh nghiệp sẽ tránh được các rủi ro về pháp lý và xây dựng hình ảnh đáng tin cậy đối với người tiêu dùng và cơ quan quản lý trong nước cũng như quốc tế.

Ngoài ra, áp dụng tiêu chuẩn Sedex-SMETA còn giúp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh; tiết kiệm chi phí; mang đến cơ hội kinh doanh mới cho doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn Sedex-SMETA bao gồm một số nguyên tắc cơ bản như: Không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc người lao động không tự nguyện làm việc; Người lao động có quyền

tham gia hoặc thành lập các hiệp hội công đoàn do họ tự lựa chọn; Môi trường làm việc sạch sẽ và đảm bảo an toàn sức khỏe;

Doanh nghiệp không sử dụng lao trẻ em, người trẻ dưới 18 tuổi không được làm việc ca đêm và trong điều kiện có hại; Doanh nghiệp phải đảm bảo mức lương và phúc lợi phải phù hợp với luật pháp quốc gia sở tại; Không được yêu cầu người lao động làm việc quá 48h/tuần và người lao động phải được nghỉ tối thiểu 1 ngày/7 ngày làm việc bình quân;

Không phân biệt đối xử trong tuyển dụng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến, chấm dứt hợp đồng hoặc nghỉ hưu theo chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, độ tuổi, bệnh tật, giới tính, hôn nhân; Không kỷ luật lạm dụng về thể chất hoặc các hình thức đe dọa khác;...

Tiêu chuẩn Sedex-SMETA được áp dụng cho tất cả tổ chức, doanh nghiệp, không phân biệt loại hình, địa điểm, quy mô... Đối với nhà cung cấp và nhà sản xuất, SMETA áp dụng cho các nhà cung cấp và nhà sản xuất trong mọi lĩnh vực công nghiệp và ngành nghề, bao gồm sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất công nghiệp, quần áo, điện tử, thực phẩm, mỹ phẩm,... và nhiều lĩnh vực khác.

Đối với cơ sở sản xuất phụ trợ, bao gồm các nhà máy nhỏ, xưởng gia công, xưởng may và cơ sở sản xuất phụ trợ khác, nhằm đảm bảo rằng điều kiện lao động, an toàn và môi trường đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn./.

(Phạm Trang)

TIÊU CHUẨN CANADA VỀ SỨC KHỎE TÂM THẦN TRONG CHĂM SÓC DÀI HẠN VÀ HỖ TRỢ SINH HOẠT

Các lĩnh vực chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt của Canada phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm cả nhu cầu hỗ trợ sức khỏe tâm thần. Điều này gây ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần và thể chất của người dân. Gần đây, tổ chức tiêu chuẩn Canada đã công bố một tiêu chuẩn về sức khỏe tâm thần và hạnh phúc trong các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt (CSA

Z2004). Tiêu chuẩn này hướng dẫn toàn diện việc lập kế hoạch, phát triển và thực hiện các chương trình hỗ trợ nhu cầu sức khỏe tâm thần của người Canada sống trong những môi trường này.

Tiêu chuẩn CSA Z2004 được phát triển bởi Tiểu ban Kỹ thuật của Tập đoàn CSA về Sức khỏe Tâm thần và Hạnh phúc trong Cơ sở Chăm sóc Dài hạn và Hỗ trợ Sinh hoạt.



Tiêu chuẩn mới này mở rộng bộ Tiêu chuẩn Quốc gia hiện tại của Canada về chăm sóc dài hạn, tiêu chuẩn về cải thiện sự an toàn về thể chất (CSA Z8004:2022) và chất lượng dịch vụ (CAN/HSO 21001:2023) cho cư dân tại các viện dưỡng lão. CSA Z2004 đặc biệt giải quyết các nhu cầu về tinh thần, tâm lý và xã hội trong các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt.

Tiến sĩ Julia Kirkham, một nhà nghiên cứu và bác sĩ tâm thần lão khoa làm việc trong Tiểu ban kỹ thuật cho biết: “CSA Z2004 tích hợp các nguyên tắc nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe tâm thần cho tất cả cư dân, bất kể họ có tình trạng sức khỏe tâm thần hay không”. “Nó thể hiện một bước quan trọng hướng tới các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt nhằm hỗ trợ toàn diện con người, bao gồm cả sức khỏe thể chất và tinh thần cũng như hạnh phúc của họ.”

CSA Z2004 nhấn mạnh cách tiếp cận toàn diện, bao gồm tất cả các cư dân từ những người không có triệu chứng đến những người có hoặc có nguy cơ mắc các tình trạng sức khỏe tâm thần. Tiêu chuẩn này được định hình dựa trên nhu cầu và tiếng nói của nhân viên y tế, người dân, gia đình, đối tác chăm sóc và công chúng.

Kay Penn, Giám đốc, Tiêu chuẩn Sức khỏe và An toàn, CSA Group, cho biết thêm: “Bằng cách tập trung vào các nhu cầu về tinh thần, tâm lý và xã hội, CSA Z2004 bổ sung các tiêu chuẩn hiện có về chăm sóc dài hạn, bao gồm cả những tiêu chuẩn hướng đến môi trường vật chất và chất lượng dịch vụ”. “Phương pháp tiếp cận toàn diện này thúc đẩy môi trường thúc đẩy khả năng phục hồi, phẩm giá và ý thức cộng đồng cho tất cả cư dân.”

Tổ chức tiêu chuẩn Canada cam kết giúp cải thiện các tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe thông qua nghiên cứu nghiêm ngặt, hợp tác với các chuyên gia trong ngành và tham vấn với các bên quan tâm trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe./.

(Bảo Linh)

TIÊU CHUẨN HỆ THỐNG PIN LƯU TRỮ - NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Dự án “Xây dựng tiêu chuẩn về Hệ thống pin lưu trữ năng lượng tại Việt Nam” góp phần xây dựng bộ tiêu chuẩn TCVN về hệ thống Pin lưu trữ năng lượng tại Việt Nam là nền tảng đáng tin cậy cho cơ quan quản lý nhà nước về việc nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tích hợp vào các dự án NLTT tại Việt Nam.

Giới thiệu tổng quan về dự án “Xây dựng tiêu chuẩn về Hệ thống pin lưu trữ năng lượng tại Việt Nam” (BESS) tại buổi họp tham vấn đầu tiên trong khuôn khổ hoạt động hỗ trợ kỹ thuật

nhằm xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về Hệ thống pin lưu trữ năng lượng tại Việt Nam mới đây, bà Phùng Thị Thu Hằng - Quản lý và Điều phối dự án BESS cho biết, tại Việt Nam, hiện tổng công suất lắp đặt nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) (bao gồm điện gió, điện mặt trời) tính đến ngày 31/10/2021 đạt 20.462 MW, tương đương 27,2% công suất toàn hệ thống điện.

Tỷ trọng công suất NLTT đã tăng nhanh nhờ Chính sách giá FiT dành cho phát triển điện mặt trời và điện gió. Mặc dù công suất từ

NLTT chiếm 27% nhưng sản lượng điện của nguồn này chỉ đóng góp khoảng 10,9% toàn hệ thống. Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện VIII đặt mục tiêu tổng công suất BESS (Hệ thống pin lưu trữ năng lượng) của hệ thống điện đạt 300 MW vào năm 2030. Thiếu các tiêu chuẩn quốc gia cho BESS gây ra sự chậm trễ trong việc phát triển, xác nhận và thẩm định các hoạt động đầu tư và thực hiện BESS.

Bà Hằng cho biết, về rào cản của việc thiếu tiêu chuẩn BESS, hiện nay Việt Nam chưa có bất kỳ tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) nào về BESS trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Các nhà phát triển dự án phải áp dụng tiêu chuẩn quốc tế và phải thực hiện thủ tục chấp thuận áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế này đáp ứng yêu cầu quy định.

Tình trạng này tiềm ẩn khả năng dẫn đến sự khác biệt về tiêu chí kỹ thuật thiết kế giữa chủ đầu tư và các dự án khác nhau, gây ra những thách thức và trở ngại đáng kể cho cơ quan chuyên môn có thẩm quyền của Nhà nước trong nỗ lực thẩm định hồ sơ thiết kế theo đúng quy định. Vì vậy, rất cần có một bộ tiêu chuẩn quốc gia toàn diện về BESS được áp dụng để thuận lợi cho quá trình thẩm định hồ sơ thiết kế.

BESS là hệ thống lưu trữ năng lượng tiên tiến sử dụng pin dung lượng cao. Công nghệ chính của BESS liên quan đến việc sử dụng pin lithium hoặc vanadi, cho phép lưu trữ một lượng lớn năng lượng điện và phân phối linh hoạt. BESS giúp ổn định hệ thống điện, phân bổ

điện hiệu quả và hỗ trợ cung cấp điện ở những khu vực không có lưới điện như vùng sâu, vùng xa, nông thôn hoặc hải đảo.

Mặc dù hệ thống BESS đã đóng vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của hệ thống điện, việc thiếu các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có thể gây ra rủi ro liên quan đến an toàn, chất lượng và khả năng tương thích của hệ thống. Sự vắng mặt của các tiêu chuẩn quốc gia cho BESS dẫn đến sự chậm trễ trong phát triển, xác nhận và đánh giá các hoạt động đầu tư và triển khai BESS. Ngược lại, sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng và tốc độ thâm nhập của NLTT trong hệ thống điện.

Mục tiêu chính của dự án này là phát triển các tiêu chuẩn quốc gia về BESS theo quy định nhằm tuân thủ quy trình của Chính phủ về xây dựng và phê duyệt các tiêu chuẩn quốc gia do Bộ KH&CN ban hành, đồng thời, ban hành các tiêu chuẩn về BESS sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển Hệ thống Pin lưu trữ năng lượng, đặc biệt là nhóm năng lượng tái tạo theo Quy hoạch Phát triển điện 8 (PDP VIII) và góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng không vào năm 2050 của Việt Nam. Tác động của dự án góp phần xây dựng nên bộ tiêu chuẩn TCVN về hệ thống Pin lưu trữ năng lượng tại Việt Nam là nền tảng đáng tin cậy cho cơ quan quản lý nhà nước về việc nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tích hợp vào các dự án NLTT tại Việt Nam./.

(Phạm Trang)

HOÀN THIÊN TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN VỀ VẬT LIỆU XÂY KHÔNG NUNG

Hành lang pháp lý cũng như cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn và quy chuẩn đối với vật liệu xây không nung (VLXKN) đã cơ bản đầy đủ. Tuy nhiên, việc khắc phục hiện tượng nứt trên khối xây sử dụng VLXKN luôn là vấn đề trăn trở đối với chủ đầu tư, tư vấn thiết kế và nhà thầu thi công.

Thực tế cho thấy, đối với công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, bắt buộc phải sử

dụng VLXKN, thì chủ đầu tư mới sử dụng. Còn đối với công trình không bắt buộc phải sử dụng VLXKN, chủ đầu tư vẫn còn tâm lý né tránh sử dụng, thậm chí sẵn sàng chịu phạt để không phải sử dụng VLXKN.

TS Phan Hữu Duy Quốc, Phó Tổng thư ký VCA cho biết, việc hạn chế gạch đất sét nung sẽ mang đến nhiều lợi ích như giảm phát thải khí CO2, giảm mất đất nông nghiệp và tận dụng phế

thải công nghiệp khi sản xuất VLXKN. VLXKN có 3 đặc tính cơ bản, đó là loại vật liệu dùng trong xây dựng mà việc sản xuất/tạo ra chúng không sử dụng nhiệt để nung. Trong đa số trường hợp, xi măng được sử dụng như chất kết dính. Cuối cùng, VLXKN thường là vật liệu thay thế vai trò của gạch đất sét nung trong công trình.



Hiện nay, VLXKN có 4 chủng loại cơ bản. Thứ nhất là gạch bê tông. Thứ hai là vật liệu nhẹ: Gạch hoặc tấm panel từ bê tông khí chưng áp, bê tông khí không chưng áp, bê tông bọt. Thứ ba là tấm tường thạch cao, tấm 3D, tấm panel bê tông, tấm panel nhẹ. Thứ tư là các loại gạch khác được sản xuất từ chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp.

Kể từ năm 2010 đến nay, Chính phủ và Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy việc phát triển VLXKN, nổi bật là Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển VLXKN tại Việt Nam đến năm 2030.

Trong đó, Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2030, các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, sử dụng 100% VLXKN so với tổng lượng vật liệu xây. Các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 90% VLXKN so với tổng lượng vật liệu xây.

Nhưng thời gian qua, vì nhiều lý do mà sản lượng sản xuất và tiêu thụ các loại sản

phẩm vật liệu xây dựng liên tục suy giảm. Lĩnh vực VLXKN gặp nhiều khó khăn, sản phẩm tiêu thụ chậm, tồn kho lớn, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và tiến độ thực hiện Chương trình của Chính phủ.

Sản lượng sản xuất và VLXKN năm 2023 khoảng 4,9 tỷ viên quy tiêu chuẩn, sản lượng tiêu thụ khoảng 4,8 tỷ viên quy tiêu chuẩn, các sản phẩm VLXKN chiếm khoảng 30% so với tổng sản lượng vật liệu xây.

Không những thế, một số công trình sử dụng VLXKN có xảy ra hiện tượng nứt, thấm làm giảm niềm tin vào VLXKN. Vì vậy, người thực hành cần hiểu đúng bản chất vấn đề và thực hành đúng như hướng dẫn của chuyên gia. Các địa phương cần được hỗ trợ hơn về chuyên môn, người thực hành cần được tập huấn để hiểu đúng và làm đúng. Ngoài ra, định mức cũng cần được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng chi phí thực tế khi áp dụng VLXKN.

Ông Lê Văn Kế, đại diện Vụ Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng) khẳng định, Chính phủ rất quan tâm đến VLXKN khi ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng VLXKN trong tổng số vật liệu xây tại Việt Nam trước năm 2010 là rất thấp. Đến năm 2019, tỷ lệ này tăng lên khoảng 25% - 30%. Nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà trong thời gian qua, việc sản xuất và tiêu thụ VLXKN có chiều hướng đi xuống.

Trong thời gian tới, từ những kiến nghị của địa phương và doanh nghiệp, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức sử dụng VLXKN để thực hiện được các mục tiêu của Quyết định số 2171/QĐ-TTg. Ông Lê Văn Kế cũng cho rằng, doanh nghiệp nên có định hướng lâu dài là phát triển những vật liệu tấm lớn và nhẹ như bê tông khí chưng áp, tấm tường Acotec./.

(Trần Thúy)

ISO 7101 – HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CỦA TỔ CHỨC CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Tiêu chuẩn ISO 7101 mang tính bước ngoặt, hỗ trợ các tổ chức giải quyết vấn đề cơ sở chăm sóc sức khỏe đang gặp phải, từ nguồn lực hạn chế đến thách thức như đại dịch toàn cầu.



Ngành y tế hiện nay phải đối mặt với một số thách thức phức tạp gây căng thẳng cho việc quản lý chăm sóc sức khỏe và chất lượng chăm sóc bệnh nhân. Sáu thách thức hàng đầu trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng bao gồm:

Thứ nhất, chi phí y tế tăng cao: Chi phí chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng là thách thức dai dẳng. Cân bằng nhu cầu chăm sóc chất lượng với việc hạn chế chi phí là cuộc đấu tranh không ngừng đối với nhà quản lý chăm sóc sức khỏe, những người phải tìm cách sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho dịch vụ chất lượng cao. Điều này có thể khó đạt được, đặc biệt khi chi phí điều trị và công nghệ tiếp tục tăng.

Thứ hai, tuân thủ quy định: Việc theo kịp một mạng lưới phức tạp các quy định chăm sóc sức khỏe ở cấp khu vực, quốc gia và địa phương có thể là gánh nặng. Tuân thủ là rất quan trọng để tránh bị phạt và đảm bảo thực hành đạo đức.

Thứ ba, sự hài lòng của bệnh nhân: Sự hài lòng của bệnh nhân thường biểu thị chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Những bệnh nhân hài lòng có nhiều khả năng nhận được các phương pháp điều trị phù hợp và hiệu quả hơn, dẫn đến kết quả sức khỏe tích cực. Hơn nữa, sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận các dịch vụ

chăm sóc sức khỏe dựa trên địa lý, thu nhập và bảo hiểm vẫn là vấn đề quan trọng.

Thứ tư, thiếu hụt lực lượng lao động: Hệ thống y tế gặp khó khăn trong tuyển dụng và giữ chân nhân viên trong thị trường lao động ngày càng cạnh tranh. Các nhân viên y tế cũng ngày càng quan tâm đến an toàn cá nhân, đây là ưu tiên hàng đầu để họ tiếp tục làm việc. Những căng thẳng nghề nghiệp hàng đầu bao gồm hành vi thất thường của bệnh nhân và khách đến thăm cũng như các vấn đề về sức khỏe tâm thần, đặc biệt là ảnh hưởng của tình trạng kiệt sức.

Thứ năm, áp dụng công nghệ: Quản trị viên chăm sóc sức khỏe phải quản lý việc áp dụng và sử dụng công nghệ chăm sóc sức khỏe mới trong tổ chức. Khi các thiết bị y tế và quy trình công nghệ cao tiếp tục phát triển, việc đảm bảo khả năng tương tác, bảo mật dữ liệu và khả năng sử dụng sẽ là thách thức không ngừng. Sức khỏe kỹ thuật số đang trải qua sự chuyển đổi thú vị, được thúc đẩy bởi những đột phá gần đây trong trí tuệ nhân tạo. Những tiến bộ khác bao gồm công nghệ laser sử dụng trong mọi lĩnh vực, từ phẫu thuật mắt đến chế tạo thiết bị mới và nha khoa giả, quang tử học, được sử dụng trong nhiều hoạt động y tế, bao gồm chẩn đoán không xâm lấn, hình ảnh và liệu pháp tiên tiến.

Thứ sáu, thay đổi nhân khẩu học: Khi thế hệ trẻ già đi họ phải đối mặt với thách thức của quá trình lão hóa, vốn đang gây áp lực ngày càng lớn lên ngành y tế. Bệnh nhân lớn tuổi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt, bao gồm chăm sóc giảm nhẹ và quản lý bệnh mãn tính. Các dịch vụ y tế phải đầu tư vào dịch vụ chăm sóc lão khoa và điều trị từ xa để đảm bảo bệnh nhân cao tuổi hơn có thể tiếp cận dịch vụ chăm sóc có chất lượng.

Vượt qua những thách thức trong quản lý chăm sóc sức khỏe đòi hỏi cách tiếp cận chủ động và lập kế hoạch chiến lược, ISO 7101:2023 là tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên về hệ

thống quản lý chất lượng dành riêng cho tổ chức chăm sóc sức khỏe. Tiêu chuẩn này được ban hành vào tháng 10/2023 bởi Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO).

ISO 7101:2023 cung cấp hướng dẫn cho các tổ chức chăm sóc sức khỏe trong thiết lập, triển khai và duy trì hệ thống quản lý hiệu quả, nhằm: Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe; tăng cường sự an toàn cho bệnh nhân; cải thiện hiệu quả hoạt động; nâng cao hài lòng của bệnh nhân và nhân viên; tăng cường uy tín và thương hiệu của chăm sóc sức khỏe. ISO 7101 mang tính bước ngoặt, hỗ trợ các cơ sở chăm sóc sức khỏe giải quyết vấn đề đang gặp phải, từ nguồn lực hạn chế, dân số già hóa đến thách thức như đại dịch toàn cầu.

Tiêu chuẩn nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm sóc kịp thời, an toàn và lấy con người làm trung tâm, đồng thời nêu bật tính cấp thiết của

việc thích ứng do sự gia tăng tiến bộ công nghệ và chăm sóc sức khỏe ảo. Tính linh hoạt đảm bảo có thể áp dụng cho nhiều nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác nhau, từ phòng khám nhỏ đến bệnh viện mở rộng.

Việc áp dụng ISO 7101:2023 chứng tỏ tổ chức chăm sóc sức khỏe cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng cao, từ đó nâng cao uy tín và thương hiệu trên thị trường.

Bất kỳ tổ chức chăm sóc sức khỏe nào, bất kể quy mô, loại hình hay vị trí địa lý đều có thể áp dụng ISO 7101:2023. Việc áp dụng tiêu chuẩn này bao gồm các bước sau: Đánh giá tình trạng hiện tại - chăm sóc sức khỏe cần đánh giá tình trạng hệ thống quản lý chất lượng hiện tại để xác định những điểm cần cải thiện; Lập kế hoạch triển khai - chăm sóc sức khỏe cần lập kế hoạch chi tiết cho việc triển khai ISO 7101:2023../.

(Yến Hoa)

TIÊU CHUẨN ASTM VỀ LÁT BÊ TÔNG - YÊU CẦU ĐỐI VỚI THANH CHỐT

Ủy ban vật liệu composite của ASTM International (D30) đã phê duyệt tiêu chuẩn mới giải quyết các yêu cầu về vật liệu đối với thanh chốt bằng polyme gia cường sợi thủy tinh (GFRP) được sử dụng làm thiết bị truyền tải tải trọng trong quá trình lát bê tông.



D8444/D8444M mô tả việc sử dụng thanh chốt GFRP không bị ăn mòn trong cơ sở hạ tầng dân dụng, cụ thể là lát đường cao tốc và đường phố, cũng như khi có vòng cảm ứng hoặc cảm biến được sử dụng trong các khu vực thu phí tốc độ cao.

Doug Gremel - một thành viên ủy ban làm việc về tiêu chuẩn mới cho biết: "Trong nhiều năm, việc sử dụng thanh chốt GFRP không bị ăn mòn, không kim loại đã được nghiên cứu như một thiết bị truyền tải tải trọng thay thế. Chúng được chứng minh thông qua nhiều dự án thử nghiệm và nghiên cứu là giải pháp thay thế khả thi có thể giúp cơ sở hạ tầng đường bộ của chúng ta bền lâu hơn".

Theo Gremel, vì

thanh cốt GFRP không phải kim loại, không giống như thanh cốt thép hoặc thép phủ epoxy, chúng sẽ không bị ăn mòn do muối đường và muối tan băng thấm vào các vết nứt trong bê tông hoặc các mối nối bê tông, giúp cơ sở hạ tầng dân dụng bền vững và lâu dài hơn.

Tiêu chuẩn này sẽ được các cơ quan chính phủ sử dụng để đủ điều kiện và chỉ định nhà cung cấp tiềm năng đấu thầu một dự án, bao gồm một bộ toàn diện các bài kiểm tra đủ điều kiện cung cấp bằng chứng về tính phù hợp sử dụng và một bộ các bài kiểm tra kiểm soát chất lượng sẽ được báo cáo cho bất kỳ lô sản xuất riêng lẻ nào. Nó cũng chuẩn hóa các đặc tính vật lý và cơ học để sử dụng thiết kế vĩa hè.

Đồng thời, các thông lệ tiêu chuẩn được đề xuất tập trung vào việc đo lường hiệu suất của bộ phận thao tác di động và ghi lại cấu hình thử nghiệm phôi đang được Ủy ban robot, tự động hóa và hệ thống tự động của ASTM International (F45) phát triển. Tiêu chuẩn được đề xuất hiện đang được bỏ phiếu, WK86116 dự định để các nhà sản xuất, nhà cung cấp, đơn vị tích hợp và người dùng cuối của bộ phận thao tác di động sử dụng để nghiên cứu sâu hơn về việc đo lường hiệu suất và thử nghiệm của bộ phận thao tác di động.

Là tiêu chuẩn đầu tiên trong lĩnh vực này, tiêu chuẩn được đề xuất sẽ thúc đẩy đổi mới thông qua việc gỡ cảnh hóa hiệu suất của bộ phận thao tác di động liên quan đến cấu hình phôi, xác định các thông số phôi có thể điều chỉnh, cho phép so sánh hiệu suất giữa các phôi và thử nghiệm khác nhau, cũng như sao chép thử nghiệm hiệu suất của bộ phận thao tác di động.

Cuối cùng, tiểu ban nắm bắt và thao tác (F45.05) cũng đề xuất tiêu chuẩn củng cố các biện pháp và quy trình thử nghiệm quan trọng trong việc ghi lại các đặc điểm chính của cấu hình thử nghiệm phôi gia công cơ cấu di động.

“Các bộ điều khiển di động là hệ thống rô bốt kết hợp một rô bốt di động (được gọi là xe mặt đất không người lái tự động theo thuật ngữ ASTM) với một cánh tay rô bốt để thực hiện các nhiệm vụ sản xuất”, Omar Aboul-Enein, thành viên ủy ban F45 giúp phát triển tiêu chuẩn cho biết.

Ông tiếp tục chia sẻ, các bộ điều khiển di động cung cấp thêm tính linh hoạt và khả năng thích ứng vì cánh tay rô bốt không còn bị giới hạn trong không gian làm việc hoặc nhiệm vụ duy nhất nữa./.

(Bảo Linh)

ISO 14060 – CÔNG CỤ GIÚP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Sử dụng bộ tiêu chuẩn ISO 14060 tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, thực hiện các chiến lược và kế hoạch quản lý khí nhà kính; phát triển và thực hiện các hành động nhằm giảm thiểu hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính...

Biến đổi khí hậu phát sinh từ hoạt động nhân tạo được xác định là một trong những thách thức lớn nhất mà thế giới phải đối mặt và sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến doanh nghiệp, người dân trong những thập kỷ tới.

Biến đổi khí hậu tác động đến cả con người, hệ thống tự nhiên, dẫn đến những tác động đáng kể đến nguồn tài nguyên sẵn có,



hoạt động kinh tế, đa dạng sinh học và phúc lợi của con người. Để ứng phó, các sáng kiến quốc tế, khu vực, quốc gia, địa phương đang được

các khu vực công và tư nhân phát triển, thực hiện nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu bằng cách giảm khí nhà kính trong bầu khí quyển Trái đất cũng như tạo điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cần có những biện pháp ứng phó hiệu quả và mang tính chuyển đổi trước mối đe dọa khẩn cấp của biến đổi khí hậu trên cơ sở kiến thức khoa học tốt nhất hiện có. ISO phát triển các tài liệu hỗ trợ chuyển đổi kiến thức khoa học thành các công cụ giúp giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Các sáng kiến giảm thiểu biến đổi khí hậu dựa vào việc định lượng, giám sát, báo cáo, thẩm định và thẩm tra lượng phát thải, loại bỏ khí nhà kính.

Bộ tiêu chuẩn ISO 14060 mang lại lợi ích cho các tổ chức, những người đề xuất dự án khí nhà kính và các bên liên quan trên toàn thế giới bằng cách cung cấp sự rõ ràng, nhất quán cho việc định lượng, giám sát, báo cáo, thẩm định, thẩm tra việc phát thải, loại bỏ khí nhà kính cũng như tính trung hòa cacbon.

Cụ thể, việc sử dụng bộ tiêu chuẩn ISO 14060 giúp nâng cao độ tin cậy và tính minh bạch của việc định lượng, giám sát, báo cáo, thẩm định, thẩm tra khí nhà kính; tạo điều kiện

thuận lợi cho việc xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch quản lý khí nhà kính; phát triển và thực hiện các hành động nhằm giảm thiểu hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính; tạo điều kiện thuận lợi cho khả năng theo dõi kết quả thực hiện và tiến độ giảm phát thải khí nhà kính hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính hoặc cả hai; hỗ trợ sự phát triển bền vững và các hành động cần thiết để đạt được nền kinh tế carbon thấp.

Các ứng dụng của bộ tiêu chuẩn ISO 14060 bao gồm: các quyết định của doanh nghiệp như xác định cơ hội giảm phát thải khí nhà kính và tăng lợi nhuận bằng cách giảm tiêu thụ năng lượng; quản lý rủi ro như việc xác định và quản lý rủi ro, cơ hội về khí hậu; các sáng kiến tự nguyện như tham gia vào chương trình khí nhà kính tự nguyện hoặc sáng kiến báo cáo tính bền vững; Thị trường khí nhà kính như mua bán các khoản cho phép hoặc tín chỉ khí nhà kính; các chương trình quản lý/chính phủ về khí nhà kính như tín chỉ cho hành động sớm, các thỏa thuận hoặc sáng kiến báo cáo quốc gia và địa phương./.

(Phạm Trang)



CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 07/2024

❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

SỬA ĐỔI 1:2024 TCVN I-4:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.
Phần 4: Dược liệu và thuốc từ dược liệu

Số trang:52

Sửa đổi 1:2024 TCVN I-4:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang:14

TCVN 12636-16:2024

Quan trắc khí tượng thủy văn.
Phần 16: Chính biên tài liệu lưu lượng nước sông vùng ảnh hưởng thủy triều

Số trang:76

TCVN 12636-17:2024

Quan trắc khí tượng thủy văn.
Phần 17: Chính biên tài liệu lưu lượng chất lơ lửng nước sông

Số trang:41

TCVN 13788:2023

Thiết kế có ý thức về môi trường – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn

Số trang:35

TCVN 13789:2023

Công bố vật liệu dùng cho sản phẩm của ngành kỹ thuật điện

Số trang:39

TCVN 13790:2023

Hướng dẫn đánh giá sản phẩm liên quan đến các chất hạn chế sử dụng trong các sản phẩm điện và điện tử

Số trang:19

TCVN 13791:2023

Hài hòa các tiêu chí về tính năng môi trường đối với các sản phẩm điện và điện tử – Nghiên cứu tính khả thi

Số trang:40

TCVN 13883:2023

Cột chống hợp kim nhôm kiểu ống lồng. Thông số kỹ thuật, thiết kế, đánh giá bằng tính toán và thử nghiệm

Số trang:35

TCVN 13889:2023

Công bố vật liệu dùng cho các sản phẩm của và dùng cho sản phẩm của ngành kỹ thuật điện.

Hướng dẫn áp dụng TCVN 13789 (IEC 62474)

Số trang:92

TCVN 13916:2024

Pin hoán đổi được dùng cho mô tô điện, xe máy điện hai bánh. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:26

TCVN 13936-1:2024

Ứng dụng đường sắt. Lắp đặt cố định. Thiết bị đóng cắt điện một chiều. Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:71

TCVN 13936-2:2024

Ứng dụng đường sắt. Lắp đặt cố định. Thiết bị đóng cắt điện một chiều. Phần 2: Máy cắt một chiều

Số trang:48

TCVN 13936-3:2024

Ứng dụng đường sắt. Lắp đặt cố định. Thiết bị đóng cắt điện một chiều. Phần 3: Thiết bị chuyển mạch nối đất, thiết bị chuyển mạch-cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng trong nhà

Số trang:29

TCVN 13936-4:2024

Ứng dụng đường sắt. Lắp đặt cố định. Thiết bị đóng cắt điện một chiều. Phần 4: Thiết bị chuyển mạch nối đất, thiết bị chuyển

mạch-cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng ngoài trời

TCVN 13936-6:2024

Ứng dụng đường sắt. Lắp đặt cố định. Thiết bị đóng cắt điện một chiều. Phần 6: Cụm thiết bị đóng cắt một chiều

Số trang:47

TCVN 14134-1:2024

Đất dùng trong xây dựng đường bộ. Phương pháp thử. Phần 1: Chuẩn khô mẫu đất

Số trang:9

TCVN 14134-2:2024

Đất dùng cho xây dựng đường bộ. Phương pháp thử. Phần 2: Chuẩn bị mẫu ướt mẫu đất

Số trang:11

TCVN 14134-3:2024

Đất dùng trong xây dựng đường bộ. Phương pháp thử. Phần 3: Xác định thành phần hạt

Số trang:23

TCVN 14134-4:2024

Đất dùng trong xây dựng đường bộ. Phương pháp thử. Phần 4: Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo

Số trang:19

TCVN 14134-5:2024

Đất dùng trong xây dựng đường bộ. Phương pháp thử. Phần 5: Xác định đương lượng cát

Số trang:19

TCVN 14135-4:2024

Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ. Phương pháp thử. Phần 4: Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75µm bằng phương pháp rửa

Số trang:10

TCVN 14135-5:2024

Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ. Phương pháp thử.
Phần 5: Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng khô
Số trang:13

❖ TIÊU CHUẨN ISO

ISO 23555-3:2024

Gas pressure safety and control devices for use in gas transmission, distribution and installations for inlet pressures up to and including 10 MPa
Part 3: Safety shut-off devices
Pages: 50

ISO 23581:2024

Petroleum products and related products — Determination of kinematic viscosity — Method by Stabinger type viscometer
Pages: 18

Replaces: ISO 23581:2020

ISO 23611-2:2024

Soil quality — Sampling of soil invertebrates
Part 2: Sampling and extraction of micro-arthropods (Collembola and Acarina)
Pages: 14

Replaces: ISO 23611-2:2006

ISO 23742:2024

Test method for the evaluation of permeability and filtration efficiency distribution of bag filter medium
Pages: 18

ISO 2398:2024

Rubber hoses, textile-reinforced, for compressed air — Specification
Pages: 6

Replaces: ISO 2398:2016

ISO 24138:2024

Information and documentation — International Standard
Content Code (ISCC)
Pages: 33

ISO 24231:2024

Protective clothing — Protection against rain — Test method for ready-made garments against high-energy droplets from above
Pages: 10

ISO 24566-2:2024

Drinking water, wastewater and stormwater systems and services — Adaptation of water services to climate change impacts
Part 2: Stormwater services
Pages: 36

Pages: 36

ISO 24591-2:2024

Smart water management
Part 2: Data management guidelines
Pages: 12

ISO 24605:2024

Road vehicles — Dimethyl ether (DME) refuelling connector with pressure equalizing port
Pages: 20

ISO 24613-6:2024

Language resource management — Lexical markup framework (LMF)
Part 6: Syntax and semantics
Pages: 11

ISO 24620-5:2024

Language resource management — Controlled human communication (CHC)
Part 5: Lexico-morpho-syntactic principles and methodology for personal data recognition and protection in text
Pages: 19

ISO 24660:2024

Fans — Determination of airflow propelled through an open personnel door by a positive pressure ventilator
Pages: 11

ISO 24671:2024

Road vehicles — Qualification and certification of technical personnel dealing with natural gas vehicles (NGVs)
Pages: 25

ISO 26101-2:2024

Acoustics — Test methods for the qualification of the acoustic environment
Part 2: Determination of the environmental correction
Pages: 15

ISO 2615:2024

Analysis of natural gas — Biomethane — Determination of the content of compressor oil
Pages: 13

ISO 30024:2024

Animal feeding stuffs — Determination of phytase activity
Pages: 22
ISO 30024:2009

ISO 30302:2022/DAMd 1

Information and documentation — Management systems for records — Guidelines for implementation
Amendment 1: Replace wrong word conformities in the section nonconformities and corrective actions and including climate change requirements
Pages: 1

ISO 32543-1:2024

Non-destructive testing — Characteristics of focal spots in industrial X-ray systems

- Part 1: Pinhole camera radiographic method
Pages: 15
ISO 33403:2024
Reference materials — Requirements and recommendations for use
Pages: 26
ISO 33405:2024
Reference materials — Approaches for characterization and assessment of homogeneity and stability
Pages: 98
ISO 33406:2024
Approaches for the production of reference materials with qualitative properties
Pages: 39
ISO 3548-1:2022/Amd 1:2024
Plain bearings — Thin-walled half bearings with or without flange — Part 1: Tolerances, design features and methods of test
Amendment 1
Pages: 5
ISO 3845:2024
Oil and gas industries including lower carbon energy — Full ring ovalization test method for the evaluation of the cracking resistance of steel line pipe in sour service
Pages: 52
ISO 3864-3:2024
Graphical symbols — Safety colours and safety signs
Part 3: Design principles for graphical symbols for use in safety signs
Pages: 26
Replaces: ISO 3864-3:2012
ISO 4080:2024
Rubber and plastics hoses and tubing, and their assemblies — Determination of permeability to gas
Pages: 12
Replaces: ISO 4080:2009
ISO 3977-9:2024
Gas turbines — Procurement
Part 9: Reliability, availability and maintainability
Pages: 14
Replaces: ISO 3977-9:1999
ISO 4349:2024
Solid recovered fuels — Determination of the recycling index for co-processing
Pages: 23
ISO 4641:2024
Rubber hoses and hose assemblies for water suction and discharge — Specification
Pages: 10
Replaces: ISO 4641:2016
ISO 4766:2024
Fasteners — Slotted set screws with flat point
Pages: 6
Replaces: ISO 4766:2011
ISO 4906:2024
Tobacco and tobacco products — Determination of filling power for preparation of fine-cut smoking articles — Constant-weight pressurization
Pages: 6
ISO 4954-1:2024
Steels for cold heading and cold extruding — Technical delivery conditions
Part 1: Non-alloy and alloy steels
Pages: 56
ISO 4954-2:2024
Steels for cold heading and cold extruding — Technical delivery conditions
Part 2: Stainless steels
Pages: 22
ISO 5076:2024
Traditional Chinese medicine — Angelica dahurica root
Pages: 12
ISO 5114-1:2024
Acoustics — Determination of uncertainties associated with sound emission measures
Part 1: Sound power levels determined from sound pressure measurements
Pages: 27
ISO 5201:2024
Financial services — Code-scanning payment security
Pages: 30
ISO 5363:2024
Robotics — Test methods for exoskeleton-type walking RACA robot
Pages: 14
ISO 53800:20
Guidelines for the promotion and implementation of gender equality and women's empowerment²⁴
Pages: 51
ISO 5401:2024
Audit data collection — Customs and indirect tax extension
Pages: 33
ISO 5405:2024
Audit data collection extension — Government regulated financial reports and payroll
Pages: 18
ISO 5474-1:2024
Electrically propelled road vehicles — Functional and

safety requirements for power transfer between vehicle and external electric circuit Part 1: General requirements for conductive power transfer Pages: 19 ISO 5474-2:2024 Electrically propelled road vehicles — Functional and safety requirements for power transfer between vehicle and external electric circuit Part 2: AC power transfer Pages: 28 ISO 5474-3:2024 Electrically propelled road vehicles — Functional and safety requirements for power transfer between vehicle and external electric circuit Part 3: DC power transfer Pages: 33 ISO 5501-1:2024 Tobacco heating systems — Definitions and standard conditions for aerosol generation and collection Part 1: Electrically heated tobacco products (eHTPs) Pages: 10 ISO 5501-2:2024 Tobacco heating systems — Definitions and standard conditions for aerosol generation and collection Part 2: Aerosol heated tobacco products (aHTPs) Pages: 9 ISO 5501-3:2024 Tobacco heating systems — Definitions and standard conditions for aerosol generation and collection Part 3: Carbon heated tobacco products (cHTPs)	Pages: 10 ISO 5600:2024 Rubber — Determination of adhesion to rigid materials using conical shaped parts Pages: 7 Replaces: ISO 5600:2017 ISO 56008:2024 Innovation management — Tools and methods for innovation operation measurements — Guidance Pages: 73 ISO 5618-2:2024 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for GaN crystal surface defects Part 2: Method for determining etch pit density Pages: 25 ISO 5642:2024 Tea polyphenol extracts — Definition and basic requirements Pages: 2 ISO 5665:2024 Consumer incident investigation — Requirements and guidance Pages: 33 ISO 5801:2017/DAmD 1 Fans — Performance testing using standardized airways Amendment 1 Pages: 1 ISO 5820:2024 Microbeam analysis — Hyper-dimensional data file specification (HMSA) Pages: 73 ISO 5832-1:2024 Implants for surgery — Metallic materials Part 1: Wrought stainless steel Pages: 6	Replaces: ISO 5832-1:2016 ISO 5832-11:2024 Implants for surgery — Metallic materials Part 11: Wrought titanium 6-aluminium 7-niobium alloy Pages: 3 Replaces: ISO 5832-11:2014 ISO 5832-4:2024 Implants for surgery — Metallic materials Part 4: Cobalt-chromium-molybdenum casting alloy Pages: 4 Replaces: ISO 5832-4:2014 ISO 5832-7:2024 Implants for surgery — Metallic materials Part 7: Forgeable and cold-formed cobalt-chromium-nickel-molybdenum-iron alloy Pages: 3 Replaces: ISO 5832-7:2016 ISO 5861:2024 Surface chemical analysis — X-ray photoelectron spectroscopy — Method of intensity calibration for quartz-crystal monochromated Al K α XPS instruments Pages: 27 ISO 59004:2024 Circular economy — Vocabulary, principles and guidance for implementation Pages: 51 ISO 59010:2024 Circular economy — Guidance on the transition of business models and value networks Pages: 36 ISO 59020:2024 Circular economy — Measuring and assessing circularity performance
--	--	---

Pages: 78 ISO 6080:2024 Tobacco heating systems — Vocabulary Pages: 5 ISO 6134:2024 Rubber hoses and hose assemblies for saturated steam — Specification Pages: 11 Replaces: ISO 6134:2017 ISO 6224:2024 Thermoplastics hoses, textile- reinforced, for general-purpose water applications — Specification Pages: 8 Replaces: ISO 6224:2011 ISO 6323-1:2024 Workplace air — Determination of arsenic and arsenic compounds by electrothermal atomic absorption spectrometry Part 1: Arsenic and arsenic compounds, except arsine by ET-AAS Pages: 22 ISO 6397:2024 Aerospace — Test bolts, hexagonal head, metallic material, coated or uncoated Pages: 5 ISO 6398-1:2024 Oil and gas industries including lower carbon energy — Submersible linear motor systems for artificial lift Part 1: Submersible linear motor Pages: 35 ISO 6472:2024 Rubber compounding ingredients — Abbreviated terms Pages: 19	Replaces: ISO 6472:2017 ISO 6621-4:2024 Internal combustion engines — Piston rings Part 4: General specifications Pages: 28 Replaces: ISO 6621-4:2015 ISO 6640:2024 Measurement of density of water-sediment mixture using radiation transmission method Pages: 14 ISO 6760-1:2024 Optics and photonics — Test method for temperature coefficient of refractive index of optical glasses Part 1: Minimum deviation method Pages: 22 ISO 6760-2:2024 Optics and photonics — Test method for temperature coefficient of refractive index of optical glasses Part 2: Interferometric method Pages: 26 ISO 6763:2024 Healthcare organization management — Pandemic response — Guidance on social distancing and source control Pages: 11 ISO 6775:2024 Plastics — Plastics identification using Raman spectrometric methods Pages: 21 ISO 6806:2024 Rubber hoses and hose assemblies for use in oil burners — Specification Pages: 14 Replaces: ISO 6806:2017 ISO 6904:2024	Traditional Chinese Medicine — General requirements for the ultrafine powder of herbs Pages: 6 ISO 6916-2:2024 Flexible cellular polymeric materials — Sponge and expanded cellular rubber products Part 2: Specification for mouldings and extrusions Pages: 19 Replaces: ISO 6916-2:2001 ISO 7076-6:2024 Fire protection — Foam fire extinguishing systems Part 6: Vehicle-mounted compressed air foam systems Pages: 21 Replaces: ISO 7076-6:2016 ISO 7151:2024 Surgical instruments — Non- cutting, articulated instruments — General requirements and test methods Pages: 4 Replaces: ISO 7151:1988 ISO 7270-2:2024 Rubber — Analysis by pyrolytic gas-chromatographic methods Part 2: Determination of styrene/butadiene/isoprene ratio Pages: 12 Replaces: ISO 7270-2:2012 ISO 7428-1:2024 Fine bubble technology — Domestic applications Part 1: Assessment of showerhead devices by evaluating size and concentration indices of generated fine bubbles Pages: 15 ISO 7429-1:2024
--	---	--

<p>Fine bubble technology — Industrial and consumer device applications Part 1: Assessment of water pressure driven nozzles by evaluating size and concentration indices of generated fine bubbles Pages: 21 ISO 7434:2024</p> <p>Fasteners — Slotted set screws with cone point Pages: 6 ISO 7435:2024</p> <p>Fasteners — Slotted set screws with dog point Pages: 6 Replaces: ISO 7435:1983 ISO 7436:2024</p> <p>Fasteners — Slotted set screws with cup point Pages: 6 Replaces: ISO 7436:1983 ISO 7539-6:2018/Amd 1:2024</p> <p>Corrosion of metals and alloys — Stress corrosion testing — Part 6: Preparation and use of precracked specimens for tests under constant load or constant displacement Amendment 1 Pages: 3 ISO 7763:2024</p> <p>Testing of paper and board — Compressive strength of a sample held in S-shape Pages: 9 ISO 7817-1:2024</p> <p>Building information modelling — Level of information need Part 1: Concepts and principles Pages: 23 ISO 8000-115:2024</p> <p>Data quality</p>	<p>Part 115: Master data: Exchange of quality identifiers: Syntactic, semantic and resolution requirements Pages: 5 Replaces: ISO 8000-115:2018 ISO 8065:2024</p> <p>Composites and reinforcements fibres — Mechanoluminescent visualization method of crack propagation for joint evaluation Pages: 26 ISO 8068:2024</p> <p>Lubricants, industrial oils and related products (class L) — Family T (Turbines) — Specifications for lubricating oils for turbines Pages: 19 Replaces: ISO 8068:2006/Amd 1:2019 ISO 8216-1:2024</p> <p>Products from petroleum, synthetic and renewable sources — Fuels (class F) classification Part 1: Categories of marine fuels Pages: 4 Replaces: ISO 8216-1:2017 ISO 8217:2024</p> <p>Products from petroleum, synthetic and renewable sources — Fuels (class F) — Specifications of marine fuels Pages: 41 Replaces: ISO 8217:2017 ISO 8454:2024</p> <p>Cigarettes — Determination of carbon monoxide in the vapour phase of cigarette smoke — NDIR method Pages: 7 Replaces: ISO 8454:2007 ISO 8637-1:2024</p>	<p>Extracorporeal systems for blood purification Part 1: Haemodialysers, haemodiafilters, haemofilters and haemoconcentrators Pages: 31 Replaces: ISO 8637-1:2017 ISO 8637-3:2024</p> <p>Extracorporeal systems for blood purification Part 3: Plasmafilters Pages: 18 Replaces: ISO 8637-3:2018 ISO 8643:2024</p> <p>Earth-moving machinery — Hydraulic excavator and backhoe loader lowering control device — Requirements and tests Pages: 10 Replaces: ISO 8643:2017</p> <p>❖ TIÊU CHUẨN IEC</p> <p>ISO/IEC 18181-2:2024 Information technology - JPEG XL image coding system - Part 2: File format Pages: 17 Replaces: ISO/IEC 18181-2:2021</p> <p>IEC/IEEE 62395-2:2024 Electrical resistance trace heating systems for industrial and commercial applications - Part 2: Application guide for system design, installation and maintenance Pages: 88</p> <p>IEC/IEEE 62395-1:2024 Electrical resistance trace heating systems for industrial and commercial applications - Part 1: General and testing requirements</p>
---	--	---

Pages: 64	- Safety - Part 2-16: Particular requirements for hand-held fastener driving tools	Pages: 123
IEC 62841-2-20:2024 EXV		IEC 60793-1-22:2024
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery	Pages: 73	Optical fibres - Part 1-22: Measurement methods and test procedures - Length measurement
- Safety - Part 2-20: Particular requirements for hand-held band saws	IEC 62529:2024	Pages: 81
Pages: 204	Standard for Signal and Test Definition	ISO/IEC 15067-3-51:2024
IEC 62841-2-20:2024	Pages: 352	Information technology - Home Electronic System (HES) application model - Part 3-51: Framework of a narrow AI engine for a premises energy management system using energy management agents
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery	Replaces: IEC 62529:2012	Pages: 25
- Safety - Part 2-20: Particular requirements for hand-held band saws	IEC 62271-200:2021/AMD1:2024	IEC TS 62607-6-12:2024
Pages: 33	Amendment 1 - High-voltage switchgear and controlgear - Part 200: AC metal-enclosed switchgear and controlgear for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV	Nanomanufacturing - Key Control Characteristics - Part 6-12: Graphene - Number of layers: Raman spectroscopy, optical reflection
IEC 62841-2-19:2024 EXV	Pages: 24	Pages: 32
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery	IEC 62271-200:2021 +AMD1:2024 CSV	IEC SRD 63426:2024
- Safety - Part 2-19: Particular requirements for hand-held jointers	High-voltage switchgear and controlgear - Part 200: AC metal-enclosed switchgear and controlgear for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV	Reference standards portfolio (RSP) on interoperability and connectivity for active assisted living (AAL) in the connected home environment (CHE)
Pages: 210	Pages: 219	Pages: 15
IEC 62841-2-19:2024	IEC 60793-1-46:2024 CMV	IEC 63461:2024
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery	Optical fibres - Part 1-46: Measurement methods and test procedures - Monitoring of changes in attenuation	Pelton hydraulic turbines - Model acceptance tests
- Safety - Part 2-19: Particular requirements for hand-held jointers	Pages: 39	Pages: 350
Pages: 38	IEC 60793-1-46:2024	IEC 63330-1:2024
IEC 62841-2-16:2024 EXV	Optical fibres - Part 1-46: Measurement methods and test procedures - Monitoring of changes in attenuation	Repurposing of secondary batteries - Part 1: General requirements
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery	Pages: 24	Pages: 54
- Safety - Part 2-16: Particular requirements for hand-held fastener driving tools	Replaces: IEC 60793-1-46:2001	IEC 61851-23:2023
Pages: 249	IEC 60793-1-22:2024 CMV	Electric vehicle conductive charging system - Part 23: DC electric vehicle supply equipment
IEC 62841-2-16:2024	Optical fibres - Part 1-22: Measurement methods and test procedures - Length measurement	Pages: 808
Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery		

IEC 60287-2-3:2024 RLV
Electric cables - Calculation of the current rating - Part 2-3: Thermal resistance - Cables installed in ventilated tunnels
Pages: 54
Replaces: IEC 60287-2-3:2017

IEC 60287-2-3:2024
Electric cables - Calculation of the current rating - Part 2-3: Thermal resistance - Cables installed in ventilated tunnels
Pages: 25

IEC 60287-2-3:2024
Electric cables - Calculation of the current rating - Part 2-3: Thermal resistance - Cables installed in ventilated tunnels
Pages: 25

ISO 80369-2:2024
Small-bore connectors for liquids and gases in healthcare applications - Part 2: Connectors for respiratory applications
Pages: 50

IEC 62271-214:2024 EXV-CMV
High-voltage switchgear and controlgear - Part 214: Internal arc classification for AC metal-enclosed pole-mounted switchgear and controlgear for rated voltages above 1 kV and up to and including 52 kV
Pages: 117
Replaces: IEC 62271-214:2019

IEC 61558-2-9:2024 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Part 2-9: Particular requirements and tests for transformers and power supply units for class III handlamps

Pages: 258
Replaces: IEC 61558-2-9:2010

IEC 61558-2-8:2024 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Part 2-8: Particular requirements and tests for transformers and power supply units for bells and chimes
Pages: 263

IEC 61558-2-7:2023 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Part 2-7: Particular requirements and tests for transformers and power supply units for toys
Pages: 279

IEC 61558-2-3:2023 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Part 2-3: Particular requirements and tests for ignition transformers for gas and oil burners
Pages: 273

IEC 61558-2-23:2024 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Part 2-23: Particular requirements and tests for transformers and power supply units for construction sites
Pages: 291

IEC 61558-2-12:2024 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combination thereof - Part 2-12: Particular requirements and tests for constant voltage

transformers and power supply units for constant voltage
Pages: 201

IEC 61558-2-10:2024 EXV-RLV
Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Part 2-10: Particular requirements and tests for separating transformers with high insulation level and separating transformers with output voltages exceeding 1 000 V
Pages: 274

IEC 61439-4:2023 EXV-RLV
Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 4: Particular requirements for assemblies for construction sites (ACS)
Pages: 299

IEC 61439-3:2024 EXV-CMV
Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 3: Distribution boards intended to be operated by ordinary persons (DBO)
Pages: 243
Replaces: IEC 61439-4:2012

IEC 60704-2-9:2024 EXV-RLV
Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-9: Particular requirements for electric hair care appliances
Pages: 94
Replaces: IEC 60704-2-9:2003

IEC 60704-2-2:2023 EXV-RLV
Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-2:

Particular requirements for fan heaters Pages: 98 IEC 60669-2-3:2024 EXV-RLV Switches for household and similar fixed electrical installations - Part 2-3: Particular requirements - Time-delay switches (TDS) Pages: 153 IEC 60669-2-2:2024 EXV-RLV Switches for household and similar fixed electrical installations - Part 2-2: Particular requirements - Electromagnetic remote-control switches (RCS) Pages: 155 IEC 60601-2-37:2024 RLV Medical electrical equipment - Part 2-37: Particular requirements for the basic safety and essential performance of ultrasonic medical diagnostic and monitoring equipment Pages: 181 IEC 60601-2-37:2024 Medical electrical equipment - Part 2-37: Particular requirements for the basic safety and essential performance of ultrasonic medical diagnostic and monitoring equipment Pages: 118 Replaces: IEC 60601-2-37:2007+AMD1:2015 CSV IEC 60335-2-98:2023 EXV-RLV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-98: Particular requirements for humidifiers Pages: 319	Replaces: IEC 60335-2-98:2002+AMD1:2004+AMD2:2008 CSV IEC 60335-2-97:2023 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-97: Particular requirements for drives for shutters, awnings, blinds and similar equipment Pages: 384 IEC 60335-2-95:2023 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-95: Particular requirements for drives for vertically moving garage doors for residential use Pages: 380 IEC 60335-2-7:2024 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-7: Particular requirements for washing machines Pages: 273 IEC 60335-2-73:2024 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-73: Particular requirements for fixed immersion heaters Pages: 226 IEC 60335-2-65:2023 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-65: Particular requirements for air-cleaning appliances Pages: 309 IEC 60335-2-60:2023 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-60: Particular requirements for	whirlpool baths and whirlpool spas Pages: 330 IEC 60335-2-51:2023 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-51: Particular requirements for stationary circulation pumps for heating and service water installations Pages: 286 IEC 60335-2-4:2023 EXV-RLV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-4: Particular requirements for spin extractors Pages: 327 IEC 60335-2-41:2024 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-41: Particular requirements for pumps Pages: 243 IEC 60335-2-31:2024 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-31: Particular requirements for range hoods and other cooking fume extractors Pages: 241 IEC 60335-2-27:2024 EXV-RLV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-27: Particular requirements for appliances for skin exposure to optical radiation Pages: 275 IEC 60335-2-11:2024 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-11:
--	---	---

Particular requirements for tumble dryers Pages: 259 IEC 60335-2-109:2023 EXV-RLV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-109: Particular requirements for UV radiation water treatment appliances Pages: 305 IEC 60335-2-108:2024 EXV-RLV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-108: Particular requirements for electrolysers Pages: 232 IEC 60335-2-103:2023 EXV-CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-103: Particular requirements for drives for gates, doors and windows Pages: 635 ISO/IEC 27403:2024 Cybersecurity - IoT security and privacy - Guidelines for IoT-domotics Pages: 39 ISO/IEC 17917:2024 Smart cities - Guidance to establishing a decision-making framework for sharing data and information services Pages: 46 ISO/IEC 14888-4:2024 Information security - Digital signatures with appendix - Part 4: Stateful hash-based mechanisms Pages: 56 IEC TS 62600-103:2024 RLV	Marine energy - Wave, tidal and other water current converters - Part 103: Guidelines for the early stage development of wave energy converters - Best practices and recommended procedures for the testing of pre-prototype devices Pages: 135 Replaces: IEC TS 62600-103:2018 IEC TS 62600-103:2024 Marine energy - Wave, tidal and other water current converters - Part 103: Guidelines for the early stage development of wave energy converters - Best practices and recommended procedures for the testing of pre-prototype devices Pages: 66 IEC 61400-8:2024 Wind energy generation systems - Part 8: Design of wind turbine structural components Pages: 133 IEC TR 61643-03:2024 Low-voltage surge protective devices - Part 03: SPD Testing Guide Pages: 56 IEC 62631-3-12:2024 Dielectric and resistive properties of solid insulating materials - Part 3-12: Determination of resistive properties (DC methods) - Volume resistance and volume resistivity - Method for casting resins Pages: 24 ISO/IEC TR 2375:2024 Information technology - Registered escape sequences and coded character sets	Pages: 26 ISO/IEC 5259-3:2024 Artificial intelligence - Data quality for analytics and machine learning (ML) - Part 3: Data quality management requirements and guidelines Pages: 28 ISO/IEC 5259-1:2024 Artificial intelligence - Data quality for analytics and machine learning (ML) - Part 1: Overview, terminology, and examples Pages: 19 ISO/IEC 27554:2024 Information security, cybersecurity and privacy protection - Application of ISO 31000 for assessment of identity-related risk Pages: 18 ISO/IEC 23773-3:2024 Information technology - User interfaces for automatic simultaneous interpretation systems - Part 3: System architecture Pages: 12 ISO/IEC 23090-15:2024 Information technology - Coded representation of immersive media - Part 15: Conformance testing for versatile video coding Pages: 90 ISO/IEC 23001-11:2023/AMD1:2024 Amendment 1 - Information technology - MPEG systems technologies - Part 11: Energy-efficient media consumption (green metadata)- Energy-efficient media consumption (green metadata) for EVC
---	--	---

Pages: 5	Medical electrical equipment - Dosimeters with ionization chambers and/or semiconductor detectors as used in X-ray diagnostic imaging	Particular requirements for commercial microwave ovens
Replaces: ISO/IEC 23090-15:2022	Pages: 116	214
ISO/IEC 17823:2024	IEC 62282-8-201:2024 RLV	IEC 60335-2-90:2024 EXV
Information technology - Office equipment - Vocabulary for office colour equipment	Fuel cell technologies - Part 8-201: Energy storage systems using fuel cell modules in reverse mode - Test procedures for the performance of power-to-power systems	Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-90: Particular requirements for commercial microwave ovens
Pages: 18	Pages: 116	Pages: 407
ISO/IEC 17823:2015	Replaces: IEC 62282-8-201:2020	IEC 60335-2-110:2024
CISPR 15:2018/AMD1:2024	IEC 61184:2017/AMD2:2024	Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-110: Particular requirements for commercial microwave appliances with insertion or contacting applicators
Amendment 1 - Limits and methods of measurement of radio disturbance characteristics of electrical lighting and similar equipment	Amendment 2 - Bayonet lampholders	98
Pages: 71	Pages: 5	IEC 60335-2-90:2024 EXV-RLV
Replaces: CISPR 15:2013+AMD1:2015 CSV	Replaces: IEC 61184:2008+AMD1:2011 CSV	Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-90: Particular requirements for commercial microwave ovens
CISPR 15:2018+AMD1:2024 CSV	IEC 61184:2017+AMD1:2019+AMD2:2024 CSV	Pages: 331
Limits and methods of measurement of radio disturbance characteristics of electrical lighting and similar equipment	Bayonet lampholders	Replaces: IEC 60335-2-25:2020
Pages: 170	Pages: 128	IEC 61000-3-2:2018/AMD2:2024
IEC 61674:2024	IEC 62282-8-201:2024	Amendment 2 - Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 3-2: Limits - Limits for harmonic current emissions (equipment input current ≤ 16 A per phase)
Medical electrical equipment - Dosimeters with ionization chambers and/or semiconductor detectors as used in X-ray diagnostic imaging	Fuel cell technologies - Part 8-201: Energy storage systems using fuel cell modules in reverse mode - Test procedures for the performance of power-to-power systems	Pages: 38
Pages: 75	Pages: 75	Replaces: IEC 61000-3-2:2014
IEC 60092-353:2024	IEC 60335-2-25:2024	IEC 60884-3-1:2021
Electrical installations in ships - Part 353: Power cables for rated voltages 1 kV and 3 kV	Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-25: Particular requirements for microwave ovens, including combination microwave ovens	Plugs and socket-outlets for household and similar purposes - Part 3-1: Particular requirements for socket-outlets incorporating USB power supply
Pages: 21	Pages: 95	Pages: 72
IEC 61674:2012	IEC 60335-2-90:2024 RLV	IEC 60335-2-90:2024
IEC 60092-353:2024 RLV	Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-90:	Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-90:
Electrical installations in ships - Part 353: Power cables for rated voltages 1 kV and 3 kV		
Pages: 43		
IEC 61674:2024 CMV		

Particular requirements for commercial microwave ovens
Pages: 144

IEC 60335-2-110:2024 RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-110:

Particular requirements for commercial microwave appliances with insertion or contacting applicators

Pages: 145

Replaces: IEC 60335-2-110:2013+AMD1:2019 CSV

ISO/IEC TS 17012:2024

Conformity assessment - Guidelines for the use of remote auditing methods in auditing management systems

Pages: 24

IEC 60335-2-25:2024 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-25:

Particular requirements for microwave ovens, including combination microwave ovens

Pages: 332

Replaces: IEC 60335-2-25:2020

IEC 60335-2-110:2024 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-110:

Particular requirements for commercial microwave appliances with insertion or contacting applicators

Pages: 339

IEC 60335-2-25:2024 RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-25:

Particular requirements for microwave ovens, including combination microwave ovens

Pages: 143

IEC 60335-2-110:2024 EXV-RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-110:

Particular requirements for commercial microwave appliances with insertion or contacting applicators

Pages: 286

IEC 60335-2-25:2024 EXV-RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-25:

Particular requirements for microwave ovens, including combination microwave ovens

Pages: 283

IEC 60884-3-1:2021/COR1:2024

Corrigendum 1 - Plugs and socket-outlets for household and similar purposes - Part 3-1:

Particular requirements for socket-outlets incorporating USB power supply

Pages: 6

IEC 61000-3-2:2018+AMD1:2020+AMD2:2024 CSV

Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 3-2: Limits - Limits for harmonic current emissions (equipment input current ≤ 16 A per phase)

Pages: 210

Replaces: IEC 61000-3-2:2014

IEC SRD 63476-1:2024

Smart city system ontology - Part 1: Gap analysis

SyC Smart Cities

Pages: 69

IEC TS 62788-2:2024

Measurement procedures for materials used in photovoltaic modules - Part 2: Polymeric materials - Frontsheets and backsheets

Pages: 94

Replaces: IEC TS 62788-2:2017

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

BS EN IEC 62061:2021+A1:2024

Safety of machinery. Functional safety of safety-related control systems

BS EN IEC 61347-2-1:2024

Controlgear for electric light sources. Safety - Particular requirements. Starting devices (other than glow starters)

Replace: BS EN 61347-2-1:2001+A2:2014

BS ISO 23355:2024

Visibility data interchange among logistics information service providers

BS EN ISO 7434:2024

Fasteners. Slotted set screws with cone point

Replace: BS EN 27434:1992

BS IEC 60287-2-3:2024

Electric cables. Calculation of the current rating - Thermal resistance. Cables installed in ventilated tunnels

BS ISO 7383-2:2024

Fine bubble technology. Evaluation method for determining gas content in fine bubble dispersions in water - Hydrogen content

BS ISO 7217:2023+A1:2024

Titanium and titanium alloys. Bar, rod and billet. Technical delivery conditions

BS ISO 7209:2023+A1:2024

Titanium and titanium alloys. Plate, sheet and strip. Technical delivery conditions

BS EN 62841-2-

11:2016+A11:2024

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery. Safety - Particular requirements for hand-held reciprocating saws

Replace: BS EN 60745-2-11:2010

BS EN IEC 60598-2-20:2024 +A1:2024

Luminaires - Particular requirements. Lighting chains

Replace: BS EN 60598-2-20:2015

BS ISO 6919:2024
Measurement of refrigerated hydrocarbon and non-petroleum based liquefied gaseous fuels. Dynamic measurement of liquefied natural gas (LNG) as marine fuel. Truck-to-ship (TTS) bunkering

BS ISO/IEC 5259-1:2024

Artificial intelligence. Data quality for analytics and machine learning (ML) - Overview, terminology, and examples

BS ISO/IEC 5259-3:2024

Artificial intelligence. Data quality for analytics and machine learning (ML) - Data quality management requirements and guidelines

BS EN 4827:2024

Aerospace series. Hexavalent chromium free anodizing of aluminium and aluminium alloys

Replace: BS EN 4827:2019

BS EN 17950:2024

Protective helmets. Test methods. Shock absorption

including measuring rotational kinematics

BS EN 17983:2024

Algae and algae products.

Measurement for renewable algal raw material for energy and non-energy applications

BS EN IEC 61754-13:2024

Fibre optic interconnecting devices and passive components. Fibre optic

connector interfaces - Type FC-PC connector family

BS ISO 55013:2024

Asset management. Guidance on the management of data assets

BS ISO/IEC 17823:2024

Information technology. Office equipment. Vocabulary for office colour equipment

BS EN ISO 11890-2:2020 +A1:2024

Paints and varnishes.

Determination of volatile organic compounds (VOC) and/or semi volatile organic compounds (SVOC) content - Gas-chromatographic method

Replace: BS EN ISO 11890-2:2013

BS EN 50463-5:2017

+A1:2024
Railway applications. Energy measurement on board trains - Conformity assessment

Replace: BS EN 50463-5:2017

BS ISO 17973:2024

Surface chemical analysis. Medium-resolution Auger electron spectrometers.

Calibration of energy scales for elemental analysis

Replace: BS ISO 17973:2016

BS EN IEC 60317-12:2020 +A1:2024

Specifications for particular types of winding wires -

Polyvinyl acetal enamelled round copper wire, class 120

Replace: BS EN 60317-12:2010

BS EN IEC 61280-4-2:2024

Fibre-optic communication subsystem test procedures - Installed cabling plant. Single-mode attenuation and optical return loss measurements

Replace: BS EN 61280-4-2:2014

BS EN IEC 60794-1-201:2024

Optical fibre cables - Generic specification - Basic optical cable test procedures.

Environmental test methods. Temperature cycling, method F1

BS EN IEC 60794-1-209:2024

Optical fibre cables - Generic specification. Basic optical cable test procedures. Environmental test methods. Ageing, method F9

BS ISO 21720:2024

XLIFF (XML Localization Interchange File Format)

BS EN IEC 60317-27-2:2020 +A1:2024

Specifications for particular types of winding wires - Paper tape covered round aluminium wire

BS EN ISO 21420:2020

+A1:2024

Protective gloves. General requirements and test methods

Replace: BS EN 420:2003+A1:2009

BS EN 2884:2024

Aerospace series. Screws, pan head, offset cruciform recess, coarse tolerance normal shank, short thread, in titanium alloy,

anodized, MoS2 lubricated.
Classification: 1 100 MPa (at ambient temperature)/315 °C
BS EN 6024:2024

Aerospace series. Screw, 100° countersunk reduced head, offset cruciform recess, close tolerance shank, short thread, in titanium alloy, anodized, MoS2 lubricated. Classification: 1 100 MPa (at ambient temperature)/315 °C. Inch series

BS EN 15877-1:2024

Railway applications. Markings of railway vehicles - Freight wagons

Replace: BS EN 15877-1:2012+A1:2018

BS ISO 20712-3:2024

Water safety signs and beach safety flags - Guidance for use
Replace: BS ISO 20712-3:2020

BS EN 915:2024

Gymnastic equipment. Asymmetric bars. Requirements and test methods including safety

Replace: BS EN 915:2008

BS EN 4013:2024

Aerospace series. Shank nut, self-locking, in heat resisting nickel base alloy NI PH2601 (Inconel 718), silver plated. Classification: 1 550 MPa (at ambient temperature)/600 °C
Replace: BS EN 4013:2004

BS ISO 11892:2024

Space systems. Subsystems or units to spacecraft interface control document

BS EN 4157:2024

Aerospace series. Rod end, with self-aligning double row ball bearing and threaded shank in

steel. Dimensions and loads, Inch series

BS ISO 23138:2024

Biological equipment for treating air and other gases. General requirements

BS EN 14972-4:2024

Fixed firefighting systems. Water mist systems - Test protocol for non-storage occupancies for automatic nozzle systems

BS EN ISO 29461-3:2024

Air intake filter systems for rotary machinery. Test methods - Mechanical integrity of filter elements

BS ISO 5910:2024

Cardiovascular implants and extracorporeal systems. Cardiac valve repair devices

BS EN IEC 61300-2-34:2024

Fibre optic interconnecting devices and passive components. Basic test and measurement procedures - Tests. Resistance to solvents and contaminating fluids

Replace: BS EN 61300-2-34:2009

Replace: BS EN 61300-2-34:2009

BS ISO 14127:2024

Carbon-fibre-reinforced composites. Determination of the resin, fibre and void contents

BS EN ISO 18081:2024

Non-destructive testing. Acoustic emission testing (AT).

Leak detection by means of acoustic emission

BS ISO 18676:2024

Space systems. Requirements and guidelines for the management of systems engineering

BS IEC 61162-460:2024

Maritime navigation and radiocommunication equipment and systems. Digital interfaces - Multiple talkers and multiple listeners. Ethernet interconnection. Safety and security

Replace: BS EN IEC 61162-460:2018+A1:2020

BS ISO 23814:2024

Cranes. Competency requirements for crane inspectors

BS EN ISO 24342:2024

Resilient and textile floor coverings. Determination of side length, edge straightness and squareness of tiles and planks
Replace: BS EN ISO 24342:2018

BS EN ISO 18363-3:2024

Animal and vegetable fats and oils. Determination of fatty-acid-bound chloropropanediols (MCPDs) and glycidol by GC/MS - Method using acid transesterification and measurement for 2-MCPD, 3-MCPD and glycidol

Replace: BS EN ISO 18363-3:2018

BS EN ISO 24805:2022

+A11:2024

Recreational diving services. Requirements for rebreather diver training. Decompression diving to 45 m

BS EN 50172:2024

Emergency escape lighting systems

Replace: BS EN 50172:2004

BS ISO 55012:2024

Asset management. Guidance on people involvement and competence

BS EN 60335-2-

29:2021+A11:2024

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for battery chargers Replace: BS EN IEC 60335-2-29:2021+A1:2021 BS EN 13991:2024 Derivatives from coal pyrolysis. Coal tar based oils: creosotes. Specifications and test methods BS EN ISO 27548:2024 Additive manufacturing of plastics. Environment, health, and safety. Test method for determination of particle and chemical emission rates from desktop material extrusion 3D printer BS EN ISO 14146:2024 Radiological protection. Criteria and performance limits for the periodic evaluation of dosimetry services for external radiation BS EN 4886:2024 Aerospace series. Rotorcraft life raft. Requirements, testing and marking BS ISO 7836:2024 Natural rubber. Identification of phytosterols, including β -sitosterol BS ISO 17491-5:2024 Protective clothing. Test methods for clothing providing protection against chemicals - Determination of resistance to penetration by a spray of liquid (manikin spray test) BS EN 10248-2:2024 Hot-rolled steel sheet piles - Tolerances on dimensions and shape BS EN 10249-2:2024	Cold formed steel sheet piles - Tolerances on dimensions and shape BS EN 4890:2022+A1:2024 Aerospace series. Steel X4CrNiMo16-5-1. Air melted. Hardened and tempered. Sheets and plates. $0,3 \text{ mm} \leq a \leq 50 \text{ mm}$. $900 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1\ 050 \text{ MPa}$ BS EN ISO 8529-3:2024 Neutron reference radiation fields - Calibration of area and personal dosimeters and determination of their response as a function of neutron energy and angle of incidence BS EN ISO 23588:2024 Radiological protection. General requirements for proficiency tests for in vivo radiobioassay BS EN ISO 18589-2:2024 Measurement of radioactivity in the environment. Soil - Guidance for the selection of the sampling strategy, sampling and pre-treatment of samples BS EN ISO/ASTM 52904:2024 Additive manufacturing of metals. Process characteristics and performance. Metal powder bed fusion process to meet critical applications BS ISO/IEC 27554:2024 Information security, cybersecurity and privacy protection. Application of ISO 31000 for assessment of identity-related risk BS ISO 7870-6:2024 Control charts - EWMA control charts for the process mean BS EN ISO 1514:2024 Paints and varnishes. Standard panels for testing Replace: BS EN ISO 1514:2016	BS EN 12077-2:2024 Cranes safety. Requirements for health and safety - Limiting and indicating devices BS ISO 2930:2024 Raw, natural rubber. Determination of the plasticity retention index (PRI) Replace: BS ISO 2930:2017 BS EN ISO 18276:2024 Welding consumables. Tubular cored electrodes for gas-shielded and non-gas-shielded metal arc welding of high strength steels. Classification Replace: BS EN ISO 18276:2017 BS EN 17882:2024 Food authenticity. DNA barcoding of meat derived from mammals and birds using defined mitochondrial cytochrome b and cytochrome c oxidase I gene segments BS EN 17881:2024 Food authenticity. DNA barcoding of bivalves and products derived from bivalves using a defined mitochondrial 16S rRNA gene segment BS EN 12416-1:2024 Fixed firefighting systems. Powder systems - Requirements and test methods for components BS EN 17899:2024 Water quality. Spectrophotometric determination of chlorophyll-a content by ethanol extraction for the routine monitoring of water quality BS EN ISO 4766:2024 Fasteners. Slotted set screws with flat point
---	--	--

<p>Replace: BS EN ISO 4766:2011 BS ISO 55001:2024 Asset management. Asset management system. Requirements BS ISO 1431-1:2024 Rubber, vulcanized or thermoplastic. Resistance to ozone cracking - Static and dynamic strain testing BS ISO 15371:2024 Ships and marine technology. Fire-extinguishing systems for protection of galley cooking equipment BS EN ISO 21535:2024 Non-active surgical implants. Joint replacement implants. Specific requirements for hip-joint replacement implants Replace: BS EN ISO 21535:2009+A1:2016 BS EN ISO 21536:2024 Non-active surgical implants. Joint replacement implants. Specific requirements for knee-joint replacement implants Replace: BS EN ISO 21536:2009+A1:2014 BS ISO 29842:2024 Sensory analysis. Methodology. Balanced incomplete block designs Replace: BS ISO 29842:2011+A1:2015 BS ISO 6626-2:2024 Internal combustion engines. Piston rings - Coil-spring-loaded oil control rings of narrow width made of cast iron BS ISO 15784-2:2024 Intelligent transport systems. Data exchange involving roadside modules communication - Centre to field</p>	<p>device communications using Simple Network Management Protocol (SNMP) Replace: BS ISO 15784-2:2015+A1:2020 BS EN 556-1:2024 Sterilization of medical devices. Requirements for medical devices to be designated "STERILE" - Requirements for terminally sterilized medical devices Replace: BS EN 556-1:2001 BS ISO 16000-33:2024 Indoor air - Determination of phthalates with gas chromatography/mass spectrometry (GC/MS) BS EN IEC 61788-23:2024 Superconductivity - Residual resistance ratio measurement. Residual resistance ratio of cavity-grade Nb superconductors Replace: BS EN IEC 61788-23:2021 BS EN ISO 7817-1:2024 Building Information Modelling. Level of Information Need - Concepts and principles BS EN ISO 7218:2024 Microbiology of the food chain. General requirements and guidance for microbiological examinations Replace: BS EN ISO 7218:2007+A1:2013 BS EN 12312-1:2024 Aircraft ground support equipment. Specific requirements - Passenger stairs Replace: BS EN 12312-1:2013 BS EN ISO 13426-2:2024 Geotextiles and geotextile-related products. Strength of</p>	<p>internal structural junctions - Geocomposites BS ISO 55000:2024 Asset management. Vocabulary, overview and principles BS EN ISO 7436:2024 Fasteners. Slotted set screws with cup point Replace: BS EN 27436:1992 BS EN ISO 7435:2024 Fasteners. Slotted set screws with dog point Replace: BS EN 27435:1992 BS ISO 2424:2024 Textile floor coverings. Vocabulary Replace: BS ISO 2424:2007 BS EN 12159:2024 Builders hoists for persons and materials with vertically guided cages Replace: BS EN 12159:2012</p> <p>❖ <u>TIÊU CHUẨN ASTM</u></p> <p>ASTM D1631-24 Standard Test Method for Water in Phenol and Related Materials by the Karl Fischer Reagent Method Pages: 5 Replace: ASTM D1631-10(2018)e1 ASTM F819-24 Standard Terminology Relating to Electrical Protective Equipment for Workers Pages: 3 Replace: ASTM F819-23 ASTM D8541-24 Standard Test Method for Determination of Relative Rotation to Evaluate the Workability of Asphalt Mixture</p>
---	---	--

Using Wireless Particle-Size Sensors Pages: 8 Replace: ASTM D8541-23 ASTM D6006-24 Standard Guide for Assessing Biodegradability of Hydraulic Fluids Pages: 6 Replace: ASTM D6006-23 ASTM E2187-24 Standard Test Method for Measuring the Ignition Strength of Cigarettes Pages: 10 Replace: ASTM E2187-20a ASTM E1678-24 Standard Test Method for Measuring Smoke Toxicity for Use in Fire Hazard Analysis Pages: 15 Replace: ASTM E1678-21a ASTM E1345-24 Standard Practice for Reducing the Effect of Variability of Color Measurement by Use of Multiple Measurements Pages: 4 Replace: ASTM E1345-98(2019) ASTM D8479-24 Standard Test Method for Determining the Peel Strength of GCCM Materials Pages: 10 ASTM A646/A646M-24 Standard Specification for Premium Quality Alloy Steel Blooms and Billets for Aircraft and Aerospace Forgings Pages: 5 Replace: ASTM A646/A646M-17(2022) ASTM D6721-24 Standard Test Method for Determination of Chlorine in	Coal by Oxidative Hydrolysis Microcoulometry Pages: 5 Replace: ASTM D6721-01(2015) ASTM E2073-24 Standard Test Method for Photopic Luminance of Photoluminescent (Phosphorescent) Markings Pages: 6 Replace: ASTM E2073-19a ASTM D5402-19(2024) Standard Practice for Assessing the Solvent Resistance of Organic Coatings Using Solvent Rubs Pages: 5 Replace: ASTM D5402-19 ASTM D7055-19(2024) Standard Practice for Preparation (by Abrasive Blast Cleaning) of Hot-Rolled Carbon Steel Panels for Testing of Coatings Pages: 3 Replace: ASTM D7055-19 ASTM D189-24 Standard Test Method for Conradson Carbon Residue of Petroleum Products Pages: 7 ASTM E2033/E2033M-24 Standard Practice for Radiographic Examination Using Computed Radiography (Photostimulable Luminescence Method) Pages: 13 Replace: ASTM E2033-17 ASTM D6943-15(2024) Standard Practice for Immersion Testing of Industrial Protective Coatings and Linings Pages: 6	Replace: ASTM D6943-15(2019) ASTM D4752-20(2024) Standard Practice for Measuring MEK Resistance of Ethyl Silicate (Inorganic) Zinc-Rich Primers by Solvent Rub Pages: 8 Replace: ASTM D4752-20 ASTM D6579-11(2024) Standard Practice for Molecular Weight Averages and Molecular Weight Distribution of Hydrocarbon, Rosin and Terpene Resins by Size-Exclusion Chromatography Pages: 8 Replace: ASTM D6579-11(2020) ASTM D6605-06(2024) Standard Practice for Determining the Color Stability of Hydrocarbon Resins After Heating Pages: 3 Replace: ASTM D6605-06(2020) ASTM F496-24 Standard Specification for In-Service Care of Insulating Gloves and Sleeves Pages: 8 Replace: ASTM F496-23 ASTM D7651-24e1 Standard Test Method for Gravimetric Measurement of Particulate Concentration of Hydrogen Fuel Pages: 4 Replace: ASTM D7651-24 ASTM F2412-24 Standard Test Methods for Foot Protection Pages: 19 Replace: ASTM F2412-18a
--	--	--

ASTM E162-24

Standard Test Method for Surface Flammability of Materials Using a Radiant Heat Energy Source

Pages: 12

Replace: ASTM E162-22

ASTM G196-24

Standard Test Method for Galling Resistance of Material Couples

Pages: 6

Replace: ASTM G196-08(2021)

ASTM C173/C173M-24a

Standard Test Method for Air Content of Freshly Mixed Concrete by the Volumetric Method

Pages: 10

Replace: ASTM C173/C173M-24

ASTM F2413-24

Standard Specification for Performance Requirements for Protective (Safety) Toe Cap Footwear

Pages: 6

Replace: ASTM F2413-18

ASTM C936/C936M-24

Standard Specification for Solid Concrete Interlocking Paving Units

Pages: 5

Replace:

ASTM C936/C936M-23a

ASTM C1180-24

Standard Terminology of Mortar and Grout for Unit Masonry

Pages: 2

Replace: ASTM C1180-22

ASTM C1782/C1782M-24

Standard Specification for Segmental Concrete Paving Slabs

Pages: 4

Replace:

ASTM C1782/C1782M-23a

ASTM C270-24

Standard Specification for Mortar for Unit Masonry

Pages: 14

Replace: ASTM C270-19ae1

ASTM F2892-24

Standard Specification for Performance Requirements for Soft Toe Protective Footwear (Non-Safety / Non-Protective Toe)

Pages: 5

Replace: ASTM F2892-18

ASTM D7527-24

Standard Test Method for Measurement of Antioxidant Content in Lubricating Greases by Linear Sweep Voltammetry

Pages: 7

Replace:

ASTM D7527-10(2018)

ASTM D1863/D1863M-05(2024)

Standard Specification for Mineral Aggregate Used on Built-Up Roofs

Pages: 2

Replace:

ASTM D1863/D1863M-05(2018)

ASTM D720/D720M-24

Standard Test Method for Free-Swelling Index of Coal

Pages: 6

Replace:

ASTM D720/D720M-23

ASTM F3562-24

Standard Specification for Selection and Application of Thermal Insulation Systems on Liquefied Natural Gas (LNG) Type C Tanks

Pages: 7

ASTM G17-07(2024)

Standard Test Method for Penetration Resistance of Pipeline Coatings (Blunt Rod)

Pages: 6

Replace: ASTM G17-07(2020)

ASTM G6-07(2024)

Standard Test Method for Abrasion Resistance of Pipeline Coatings

Pages: 5

Replace: ASTM G6-07(2020)

ASTM C1716/C1716M-24

Standard Specification for Compression Testing Machine Requirements for Concrete Masonry Units, Related Units, and Prisms

Pages: 10

Replace:

ASTM C1716/C1716M-23

ASTM C1232-24

Standard Terminology for Masonry

Pages: 8

Replace: ASTM C1232-23

ASTM D6/D6M-95(2024)

Standard Test Method for Loss on Heating of Oil and Asphaltic Compounds

Pages: 3

Replace: ASTM D6/D6M-95(2018)

ASTM D5081/D5081M-90(2024)

Standard Test Method for Aggregate Layer Hiding Power

Pages: 2

Replace: ASTM D5081/D5081M-90(2018)

ASTM E2350-24

Standard Guide for Integration of Ergonomics/Human Factors into New Occupational Systems

Pages: 10 Replace: ASTM E2350-19 ASTM D7654/D7654M-10(2024) Standard Specification for Asphalt Used in Roofing Measured by Dynamic Shear Rheometer Pages: 3 Replace: ASTM D7654/D7654M-10(2018) ASTM D7635/D7635M-18(2024) Standard Test Method for Measurement of Thickness of Coatings Over Fabric Reinforcement Pages: 5 Replace: ASTM D7635/D7635M-18 ASTM F2982-24 Standard Specification for Polyester Composition Floor Tile/Plank Pages: 5 Replace: ASTM F2982-18 ASTM D7549-24 Standard Test Method for Evaluation of Heavy-Duty Engine Oils under High Output Conditions—Caterpillar C13 Test Procedure Pages: 38 Replace: ASTM D7549-23 ASTM D2893-24 Standard Test Methods for Oxidation Characteristics of Extreme-Pressure Lubrication Oils Pages: 4 Replace: ASTM D2893-19 ASTM B152/B152M-24	Standard Specification for Copper Sheet, Strip, Plate, and Rolled Bar Pages: 6 Replace: ASTM B152/B152M-19 ASTM E2920-24 Standard Guide for Recording Occupational Injuries and Illnesses Pages: 5 Replace: ASTM E2920-19 ASTM D3791/D3791M-11(2024) Standard Practice for Evaluating the Effects of Heat on Asphalts Pages: 2 Replace: ASTM D3791/D3791M-11(2018) ASTM D4814-24a Standard Specification for Automotive Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 35 Replace: ASTM D4814-24 ASTM D5100/D5100M-95a(2024) Standard Test Method for Adhesion of Mineral Aggregate to Hot Bitumen Pages: 2 Replace: ASTM D5100/D5100M-95a(2018) ASTM A1091/A1091M-24 Standard Specification for Steel Castings, Creep-Strength Enhanced Ferritic Alloy, for Pressure-Containing Parts, Suitable for High-Temperature Service Pages: 6 Replace: ASTM A1091/A1091M-21	ASTM E3095-17(2024) Standard Guide for Surrogate Materials for Field Evaluation of Nucleic Acid-Based On-Site Biological Assessment Technologies Pages: 6 Replace: ASTM E3095-17 ASTM E50-24 Standard Practices for Apparatus, Reagents, and Safety Considerations for Chemical Analysis of Metals, Ores, and Related Materials Pages: 12 Replace: ASTM E50-17 ASTM D7857-24 Standard Test Method for Evaluating the Flexural Properties and Internal Bond Strength of Fire-Retarded Matrix-Formed Wood Structural Composite Panels Exposed to Elevated Temperatures Pages: 6 Replace: ASTM D7857-16 ASTM D4062-24 Standard Test Method for Leveling of Paints by Draw-Down Method Pages: 9 Replace: ASTM D4062-11(2016) ASTM E2800-11(2024) Standard Practice for Characterization of Bacillus Spore Suspensions for Reference Materials Pages: 8 Replace: ASTM E2800-11(2017) ASTM E292-24 Standard Test Methods for Conducting Time-for-Rupture Notch Tension Tests of Materials
--	--	--

Pages: 10 Replace: ASTM E292-18 ASTM D8198-18(2024) Standard Specification for Hydraulically Applied 100 % Wood Fiber Mulches Pages: 3 Replace: ASTM D8198-18 ASTM D8202-18(2024) Standard Specification for Hydraulically Applied 100% Wheat Straw Fiber Mulches Pages: 3 Replace: ASTM D8202-18 ASTM D7417-24 Standard Test Method for Analysis of In-Service Lubricants Using Particular Four-Part Integrated Tester (Atomic Emission Spectroscopy, Infrared Spectroscopy, Viscosity, and Laser Particle Counter) Pages: 9 Replace: ASTM D7417-17 ASTM B111/B111M-24 Standard Specification for Copper and Copper-Alloy Seamless Condenser Tubes and Ferrule Stock Pages: 12 Replace: ASTM B111/B111M-18a ASTM D4787-24 Standard Practice for Continuity Verification of Liquid or Sheet Linings Applied to Concrete Substrates Pages: 6 Replace: ASTM D4787-13(2018) ASTM D1160-24 Standard Test Method for Distillation of Petroleum Products at Reduced Pressure	Pages: 20 Replace: ASTM D1160-18 ASTM D653-24 Standard Terminology Relating to Soil, Rock, and Contained Fluids Pages: 50 Replace: ASTM D653-22 ASTM C1670/C1670M-24 Standard Specification for Adhered Manufactured Stone Masonry Veneer Units Pages: 6 Replace: ASTM C1670/C1670M-23a ASTM B16/B16M-24 Standard Specification for Free- Cutting Brass Rod, Bar and Shapes for Use in Screw Machines Pages: 5 Replace: ASTM B16/B16M-19 ASTM D8082-18(2024)e1 Standard Specification for Elemental Impurity Limits in Erosion Control Products used for Land Application Pages: 2 Replace: ASTM D8082-18 ASTM F2206-19(2024) Standard Specification for Fabricated Fittings of Butt- Fused Polyethylene (PE) Pages: 5 Replace: ASTM F2206-19 ASTM D3333-07(2024) Standard Practice for Sampling Manufactured Staple Fibers, Sliver, or Tow for Testing Pages: 4 Replace: ASTM D3333-07(2018) ASTM D7899-24 Standard Test Method for Measuring the Merit of	Dispensancy of In-Service Engine Oils with Blotter Spot Method Pages: 7 Replace: ASTM D7899-19 ASTM D8530/D8530M-24 Standard Guide for the Selection and Use of Waterstops Pages: 4 Replace: ASTM D8530/D8530M-23 ASTM D5103-07(2024) Standard Test Method for Length and Length Distribution of Manufactured Staple Fibers (Single-Fiber Test) Pages: 4 Replace: ASTM D5103-07(2018) ASTM D3265-24a Standard Test Method for Carbon Black—Tint Strength Pages: 6 Replace: ASTM D3265-24 ASTM D3985-24 Standard Test Method for Oxygen Gas Transmission Rate Through Plastic Film and Sheeting Using a Coulometric Sensor Pages: 7 Replace: ASTM D3985-17 ASTM D3937-12(2024) Standard Test Method for Crimp Frequency of Manufactured Staple Fibers Pages: 4 Replace: ASTM D3937-12(2018) ASTM D8558-24 Standard Guide for Verification of a Certificate of Authentication Used to Track Products through Their Supply Chain by Utilizing Blockchain Technology
--	--	--

Pages: 9	ASTM E1428-24	Standard Terminology for Nondestructive Examinations
ASTM E3109-18(2024)	Standard Test Method for Evaluating the Performance of Antimicrobials in or on Polymeric Solids Against Staining by Streptomyces species (A Pink Stain Organism)	Pages: 42
Standard Specification for Protective Gloves Worn by Law Enforcement and Corrections Officers	Pages: 5	Replace: ASTM E1316-24a
Pages: 5	Replace: ASTM E1428-15a	ASTM D7777-24
Replace: ASTM E3109-18	ASTM B706-24	Standard Test Method for Density, Relative Density, or API Gravity of Liquid Petroleum by Portable Digital Density Meter
ASTM D5186-24	Standard Specification for Seamless Copper Alloy (UNS No. C69100) Pipe and Tube	Pages: 7
Standard Test Method for Determination of the Aromatic Content and Polynuclear Aromatic Content of Diesel Fuels By Supercritical Fluid Chromatography	Pages: 7	Replace: ASTM D7777-13(2018)e1
Pages: 7	Replace: ASTM B706-18	ASTM D3438-24
Replace: ASTM D5186-22	ASTM A860/A860M-24	Standard Practice for Sampling and Handling Naphthalene, Maleic Anhydride, and Phthalic Anhydride
ASTM A484/A484M-24a	Standard Specification for Wrought High-Strength Ferritic Steel Butt-Welding Fittings	Pages: 4
Standard Specification for General Requirements for Stainless Steel Bars, Billets, Shapes, and Forgings	Pages: 5	Replace: ASTM D3438-19
Pages: 22	Replace: ASTM A860/A860M-22	ASTM E747-24
Replace: ASTM A484/A484M-24	ASTM A858/A858M-24	Standard Practice for Design, Manufacture and Material Grouping Classification of Wire Image Quality Indicators (IQI) Used for Radiography
ASTM D4175-24	Standard Specification for Heat-Treated Carbon Steel Fittings for Low-Temperature and Corrosive Service	Pages: 13
Standard Terminology Relating to Petroleum Products, Liquid Fuels, and Lubricants	Pages: 4	Replace: ASTM E747-18
Pages: 85	Replace: ASTM A858/A858M-19	ASTM C726-24
Replace: ASTM D4175-23a	ASTM F2774-24	Standard Specification for Mineral Wool Roof Insulation Board
ASTM D3513-02(2024)	Standard Practice for Manufacturing Quality Control of Consumer Trampoline Bed Material	Pages: 4
Standard Test Method for Overlength Fiber Content of Manufactured Staple Fiber	Pages: 3	Replace: ASTM C726-17
Pages: 5	Replace: ASTM F2774-09(2020)	ASTM G137-24
Replace: ASTM D3513-02(2018)	ASTM A123/A123M-24	Standard Test Method for Ranking Resistance of Plastic Materials to Sliding Wear Using a Block-On-Ring Configuration
ASTM E3370-24	Standard Specification for Zinc (Hot-Dip Galvanized) Coatings on Iron and Steel Products	Pages: 7
Standard Practice for Matrix Array Ultrasonic Testing of Composites, Sandwich Core Constructions, and Metals	Pages: 10	Replace: ASTM G137-97(2017)
Pages: 14	Replace: ASTM A123/A123M-17	ASTM F2225-24
Replace: ASTM E3370-23	ASTM E1316-24b	Standard Safety Specification for Consumer Trampoline Enclosures
		Pages: 8

Replace: ASTM F2225-15(2020) ASTM F2165-24 Standard Specification for Flexible Pre-Insulated Plastic Piping Pages: 4	ASTM F3202-24 Standard Specification for Solid Wall Poly (Vinyl Chloride) PVC Fittings for Joining Corrugated Wall High Density Polyethylene (PE) and Polypropylene (PP) Piping Pages: 6	Pages: 14 Replace: ASTM F2477-23 ASTM D8211-24 Standard Test Method for Hot Surface Ignition Temperature of Gases on Flat Surface Pages: 5
Replace: ASTM F2165-19 ASTM F2138-12(2024) Standard Specification for Excess Flow Valves for Natural Gas Service Pages: 6	Replace: ASTM F3202-19a ASTM F2764/F2764M-24 Standard Specification for 6 in. to 60 in. [150 mm to 1500 mm] Polypropylene (PP) Corrugated Double and Triple Wall Pipe and Fittings for Non-Pressure Sanitary Sewer Applications Pages: 9	Replace: ASTM D8211-21 ASTM D6237-24 Standard Guide for Painting Inspectors (Concrete and Masonry Substrates) Pages: 12
Replace: ASTM F2138-12(2017) ASTM F1976-24 Standard Test Method for Impact Attenuation of Athletic Shoe Cushioning Systems and Materials Pages: 6	Replace: ASTM F2764/F2764M-23 ASTM D6770-24 Standard Test Method for Abrasion Resistance of Textile Webbing (Hex Bar Method) Pages: 5	Replace: ASTM D6237-19 ASTM B882-24 Standard Specification for Pre- Patinated Copper for Architectural Applications Pages: 4
Replace: ASTM F1976-13 ASTM F381-24 Standard Safety Specification for Components, Assembly, Use, and Labeling of Consumer Trampolines Pages: 10	Replace: ASTM D6770-21 ASTM D6528-24 Standard Test Method for Consolidated Undrained Direct Simple Shear Testing of Fine- Grained Soils Pages: 10	Replace: ASTM B882-10(2018) ASTM B170-24 Standard Specification for Oxygen-Free Electrolytic Copper—Refinery Shapes Pages: 10
Replace: ASTM F381-16 ASTM D5194-24a Standard Test Method for Trace Chloride in Liquid Aromatic Hydrocarbons Pages: 4	Replace: ASTM D6528-17 ASTM D2898-10(2024) Standard Practice for Accelerated Weathering of Fire- Retardant-Treated Wood for Fire Testing Pages: 4	Replace: ASTM B170-99(2020) ASTM G171-24 Standard Test Method for Scratch Hardness of Materials Using a Diamond Stylus Pages: 7
Replace: ASTM D5194-24 ASTM D2837-24 Standard Test Method for Obtaining Hydrostatic Design Basis for Thermoplastic Pipe Materials or Pressure Design Basis for Thermoplastic Pipe Products Pages: 17	Replace: ASTM D2898-10(2017) ASTM F2477-24 Standard Test Methods for in vitro Pulsatile Durability Testing of Vascular Stents and Endovascular Prostheses	ASTM F3320-18(2024) Standard Guide for Coating Characterization of Drug-Coated Balloons Pages: 12
Replace: ASTM D2837-22		Replace: ASTM F3320-18 ASTM C173/C173M-24a Standard Test Method for Air Content of Freshly Mixed Concrete by the Volumetric Method Pages: 10 Replace: ASTM C173/C173M-24

ASTM E103-24 Standard Practice for Rapid Indentation Hardness Testing of Metallic Materials Pages: 5 Replace: ASTM E103-17	Replace: ASTM B813-16 ASTM B196/B196M-24 Standard Specification for Copper-Beryllium Alloy Rod and Bar Pages: 5 Replace: ASTM B196/B196M-18	Shutter for residential window Pages: 36
ASTM D2467-24 Standard Specification for Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Plastic Pipe Fittings, Schedule 80 Pages: 8 Replace: ASTM D2467-20	ASTM D409/D409M-24 Standard Test Method for Grindability of Coal by the Hardgrove-Machine Method Pages: 15 Replace: ASTM D409/D409M-16	JIS A 5016:2024 Fine grain ferronickel -slag Pages: 58 JIS B 0626:2024 Geometrical product specifications (GPS) -- Population specification Pages: 18
ASTM D7606-24 Standard Practice for Sampling of High Pressure Hydrogen and Related Fuel Cell Feed Gases Pages: 10 Replace: ASTM D7606-17	❖ <u>TIÊU CHUẨN JIS</u>	JIS B 2032:2024 Wafer type rubber -seated butterfly valves Pages: 16 Replaces: JIS B 2032:2013
ASTM D2466-24 Standard Specification for Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Plastic Pipe Fittings, Schedule 40 Pages: 6 Replace: ASTM D2466-23	JIS A 1214:2024 Test method for soil density by the sand replacement method Pages: 16 Replaces: JIS A 1214:2013	JIS B 8415 -2:2020 /AMENDMENT 1:2024 General safety code for industrial combustion furnaces - - Part 2: Combustion and fuel handl Pages: 16
ASTM B888/B888M-24 Standard Specification for Copper Alloy Strip for Use in Manufacture of Electrical Connectors or Spring Contacts Pages: 13 Replace: ASTM B888/B888M-19	JIS A 1215:2024 Method for plate load test on soil for road Pages: 12 Replaces: JIS A 1215 :2013	JIS B 9704 -1:2024 Safety of machinery – Electro - sensitive protective equipment - - Part 1: General requirements and tests Pages: 16
ASTM C1944/C1944M-24 Standard Specification for Pedestal-Set Concrete Paving Slabs Pages: 3	JIS A 1220:2024 Method for mechanical cone penetration test Pages: 40 Replaces: JIS A 1220:2009	JIS G 0202:2024 Glossary of terms used in iron and steel (Testing) Pages: 72 Replaces: JIS G 0202:2014
ASTM B813-24 Standard Specification for Water Flushable Liquid and Paste Fluxes for Soldering of Copper and Copper Alloy Tube Pages: 7	JIS A 1222:2024 Test method for the California Bearing Ratio (CBR) of in-situ soil Pages: 10 Replaces: JIS A 1222 :2013	JIS G 0415:2024 Steel and steel products -- Inspection documents Pages: 10 Replaces: JIS G 0415 :2014
	JIS A 1230:2024 Method for dynamic cone penetration test Pages: 24 Replaces: JIS A 1230 :2005	JIS G 0560:2024 Method of sulphur print for steel Pages: 16 Replaces: JIS G 0560:2013
	JIS A 4717:2024	JIS G 0589:2024

Automated full peripheral ultrasonic thickness examination of steel pipes and tubes Pages: 12 Replaces: JIS G 0589 :2013 JIS G 1233:2024	Glass in building – Destructive - windstorm -resistant security glazing -- Test method Pages: 32 Replaces: JIS R 3109 :2018 JIS T 5753:2024	General; German version EN 30-1-1:2021+A1:2023 DIN EN 747-1 Furniture - Bunk beds and high beds - Part 1: Safety, strength and durability requirements; German version EN 747-1:2024 DIN EN 747-2
Iron and steel -- Determination of selenium -- Spectrophotometric method after extraction of 2,3 - diaminonaphthalene complex Pages: 16 Replaces: JIS G 1233 :1994 JIS G 3312:2024	Dentistry -- Operating lights Pages: 34 Replaces: JIS T 5753:2013 JIS T 6513:2024	Furniture - Bunk beds and high beds - Part 2: Test methods; German version EN 747-2:2024 DIN EN 1789
Prepainted hot -dip zinc -coated steel sheet and strip Pages: 30 Replaces: JIS G 3312 :2019 JIS G 3318:2024	Dental elastomeric impression materials Pages: 34 Replaces: JIS T 6513 :2019 JIS T 8103:2024	Medical vehicles and their equipment - Road ambulances; German version EN 1789:2020+A1:2023 DIN EN 1912
Prepainted hot -dip zinc -5 % aluminium alloy -coated steel sheet and strip Pages: 30 Replaces: JIS G 3318 :2019 JIS G 3322:2024	Anti-electrostatic footwear Pages: 30 JIS T 8103 :2010/AMEN DMENT 1 :2020;JIS T 8103:2010 JIS Z 2244-1:2024	Structural Timber - Strength classes - Assignment of visual grades and species; German version EN 1912:2024 DIN EN 10051
Prepainted hot -dip zinc -5 % aluminium -zinc alloy -coated steel sheet and strip Pages: 30 Replaces: JIS G 3318 :2019 JIS G 3322:2024	Vickers hardness test -- Part 1: Test method Pages: 40 Replaces: JIS Z 2244 -1:2020 JIS Z 2339:2024	Continuously hot-rolled strip and plate/sheet cut from wide strip of non-alloy and alloy steels - Tolerances on dimensions and shape; German version EN 10051:2024 DIN EN 134
Prepainted hot -dip 55 % aluminium -zinc alloy -coated steel sheet and strip Pages: 28 Replaces: JIS G 3322 :2019 JIS H 1270:2024	Nondestructive testing -- Method of measurement for mechanical impedance of bolted joints Pages: 14 JIS Z 4752-3-7 :2024	Respiratory protective devices - Nomenclature of components; German version EN 134:2024 DIN EN 203-1
Nickel and nickel alloys -- Sampling and general rules for analytical methods Pages: 16 Replaces: JIS H 1270 :2015 JIS Q 27002:2024	Evaluation and routine testing in medical imaging departments -- Part 3-7: Acceptance and constancy tests -- Imaging performance of X-ray equipment for dental co Pages: 42	Gas heated catering equipment - Part 1: General safety requirements; German version EN 203-1:2021+A1:2023 DIN EN 203-2-1
Information security, cybersecurity and privacy protection -- Information security controls Pages: 178 Replaces: JIS Q 27002 :2014 JIS R 3109:2024	❖ <u>TIÊU CHUẨN DIN</u>	Gas heated catering equipment - Part 2-1: Specific requirements - Open burners and wok burners; German version EN 203-2-1:2021+A1:2023 DIN EN ISO 4641
	DIN EN 30-1-1 Domestic cooking appliances burning gas - Part 1-1: Safety -	

- Rubber hoses and hose assemblies for water suction and discharge - Specification (ISO 4641:2024); German version EN ISO 4641:2024
DIN EN ISO 5832-1
- Implants for surgery - Metallic materials - Part 1: Wrought stainless steel (ISO 5832-1:2024); German version EN ISO 5832-1:2024
DIN EN ISO 5832-7
- Implants for surgery - Metallic materials - Part 7: Forgeable and cold-formed cobalt-chromium-nickel-molybdenum-iron alloy (ISO 5832-7:2024); German version EN ISO 5832-7:2024
DIN EN ISO 6224
- Thermoplastics hoses, textile-reinforced, for general-purpose water applications - Specification (ISO 6224:2024); German version EN ISO 6224:2024
DIN EN ISO 17294-1
- Water quality - Application of inductively coupled plasma mass spectrometry (ICP-MS) - Part 1: General requirements (ISO 17294-1:2024); German version EN ISO 17294-1:2024
DIN EN ISO 16119-5
- Agricultural and forestry machinery - Environmental requirements for sprayers - Part 5: Aerial spray systems (ISO 16119-5:2023); German version EN ISO 16119-5:2023
DIN EN ISO 22007-1
- Plastics - Determination of thermal conductivity and thermal diffusivity - Part 1: General principles (ISO 22007-1:2024); German version EN ISO 22007-1:2024
DIN EN ISO 25119-1
- Tractors and machinery for agriculture and forestry - Safety-related parts of control systems - Part 1: General principles for design and development (ISO 25119-1:2018 + Amd 1:2020); German version EN ISO 25119-1:2023 + A1:2023
DIN EN ISO 25119-2
- Tractors and machinery for agriculture and forestry - Safety-related parts of control systems - Part 2: Concept phase (ISO 25119-2:2019); German version EN ISO 25119-2:2023
DIN EN ISO 25119-3
- Tractors and machinery for agriculture and forestry - Safety-related parts of control systems - Part 3: Series development, hardware and software (ISO 25119-3:2018 + Amd 1:2020); German version EN ISO 25119-3:2023 + A1:2023
DIN EN ISO 25119-4
- Tractors and machinery for agriculture and forestry - Safety-related parts of control systems - Part 4: Production, operation, modification and supporting processes (ISO 25119-4:2018 + Amd 1:2020); German version EN ISO 25119-4:2023 + A1:2023
DIN EN ISO 52016-3
- Energy performance of buildings - Energy needs for heating and cooling, internal temperatures and sensible and latent heat loads - Part 3: Calculation procedures regarding adaptive building envelope elements (ISO 52016-3:2023); German version EN ISO 52016-3:2023
DIN EN ISO/ASTM 52909
- Additive manufacturing of metals - Finished part properties - Orientation and location dependence of mechanical properties for metal parts (ISO/ASTM 52909:2024); German version EN ISO/ASTM 52909:2024
DIN ISO 11009
- Petroleum products and lubricants - Determination of water washout characteristics of lubricating greases (ISO 11009:2021)
DIN CEN ISO/ASTM TR 52952
- Additive Manufacturing of metals - Feedstock materials - Correlating of rotating drum measurement with powder spreadability in PBF-LB machines (ISO/ASTM TR 52952:2023); German version CEN ISO/ASTM TR 52952:2023
DIN EN ISO 80601-2-55
- Medical electrical equipment - Part 2-55: Particular requirements for the basic safety and essential performance of respiratory gas monitors (ISO 80601-2-55:2018 + Amd 1:2023); German version EN ISO 80601-2-55:2018 + A1:2023
DIN EN ISO 22074-1
- Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 1: Vocabulary (ISO 22074-

1:2020); German version EN ISO 22074-1:2024 DIN EN ISO 22074-2 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 2: Test method for longitudinal rail restraint (ISO 22074-2:2021); German version EN ISO 22074-2:2024 DIN EN ISO 22074-3 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 3: Proof load test method for pull-out resistance (ISO 22074-3:2021); German version EN ISO 22074-3:2024 DIN ISO 20539 Translation, interpreting and related technology - Vocabulary (ISO 20539:2023); Text in German and English DIN ISO 23139 Biological equipment for treating air and other gases - Requirements and application guidance for deodorization in wastewater treatment plants (ISO 23139:2023) DIN ISO 30415 Human resource management - Diversity and inclusion (ISO 30415:2021) VDI 3822 Blatt 2.1.7 Failure analysis - Defects of thermoplastic products made of plastics caused by chemical stress VDI 6000 Blatt 1 Sanitary engineering - Sanitary facilities - Fundamental requirements DIN EN ISO 22074-4 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 4: Test methods for resistance to	repeated loading (ISO 22074-4:2022); German version EN ISO 22074-4:2024 DIN EN ISO 22074-5 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 5: Test method for electrical resistance (ISO 22074-5:2021); German version EN ISO 22074-5:2024 DIN EN ISO 22074-6 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 6: Test method for resistance to severe environmental conditions (ISO 22074-6:2021); German version EN ISO 22074-6:2024 DIN EN ISO 22074-7 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 7: Test method for clamping force and uplift stiffness (ISO 22074-7:2021); German version EN ISO 22074-7:2024 DIN EN ISO 22074-8 Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 8: Test method for vertical stiffness (ISO 22074-8:2022); German version EN ISO 22074-8:2024 DIN EN ISO 22163 Railway applications - Railway quality management system - ISO 9001:2015 and specific requirements for application in the railway sector (ISO 22163:2023); German version EN ISO 22163:2024 DIN EN ISO 16032 Acoustics - Measurement of sound pressure level from service equipment or activities in buildings - Engineering method (ISO 16032:2024); German version EN ISO 16032:2024	DIN EN ISO 10304-4 Water quality - Determination of dissolved anions by liquid chromatography of ions - Part 4: Determination of chlorate, chloride and chlorite in water with low contamination (ISO 10304-4:2022); German version EN ISO 10304-4:2022 DIN EN ISO 20916 In vitro diagnostic medical devices - Clinical performance studies using specimens from human subjects - Good study practice (ISO 20916:2019); German version EN ISO 20916:2024 DIN EN ISO 11704 Water quality - Gross alpha and gross beta activity - Test method using liquid scintillation counting (ISO 11704:2018); German version EN ISO 11704:2018 DIN EN ISO 15002 Flow control devices for connection to a medical gas supply system (ISO 15002:2023); German version EN ISO 15002:2024 DIN EN ISO 7921 Ophthalmic optics and instruments - Near reading charts (ISO 7921:2024); German version EN ISO 7921:2024 DIN EN ISO 14823-1 Intelligent transport systems - Graphic data dictionary - Part 1: Specification (ISO 14823-1:2024); English version EN ISO 14823-1:2024 DIN EN 203-2-2 Gas heated catering equipment - Part 2-2: Specific requirements -
---	--	--

Ovens; German version EN 203-2-2:2021+A1:2023 DIN EN 1474-2 Installation and equipment for liquefied natural gas - Design and testing of marine transfer systems - Part 2: Design and testing of transfer hoses; German version EN 1474-2:2020 + AC:2023 DIN EN 1570-1 Safety requirements for lifting tables - Part 1: Lifting tables serving up to two fixed landings; German version EN 1570-1:2024 DIN EN 15713 Secure destruction of confidential and sensitive material - Code of practice; German version EN 15713:2023 DIN EN 203-2-4 Gas heated catering equipment - Part 2-4: Specific requirements - Fryers; German version EN 203-2-4:2021+A1:2023 DIN EN 13322-1 Transportable gas cylinders - Refillable welded steel gas cylinders - Design and construction - Part 1: Carbon steel; German version EN 13322-1:20 DIN EN 16300 Automotive fuels - Determination of iodine value in fatty acid methyl esters (FAME) - Calculation method from gas chromatographic data; German version EN 16300:2024 DIN EN 16604-10 Space sustainability - Space debris mitigation requirements (ISO 24113:2023, modified);	English version EN 16604-10:2023 DIN EN 17134-1 Textiles and textile products - Determination of biocide additives - Part 1: 2-Phenylphenol and triclosan, method using liquid chromatography; German version EN 17134-1:2024 DIN EN 17343 Railway applications - General terms and definitions; Trilingual version EN 17343:2023 DIN EN 17823 Acoustic properties of building elements and of buildings - Laboratory measurement of the impact sound insulation of stairs and stair isolating elements; German version EN 17823:2024 DIN EN 17844 Construction products: Assessment of release of dangerous substances - Determination of the content of polycyclic aromatic hydrocarbons (PAH) and of benzene, toluene, ethylbenzene and xylenes (BTEX) - Gas chromatographic method with mass spectrometric detection; German version EN 17844:2023 DIN EN 17845 Construction products: Assessment of release of dangerous substances - Determination of biocide residues using liquid chromatography with mass spectrometric detection (LC-MS/MS); German version EN 17845:2023 DIN EN ISO 2398	Rubber hoses, textile-reinforced, for compressed air - Specification (ISO 2398:2024); German version EN ISO 2398:2024 DIN EN 17855 Foodstuffs - Minimum performance requirements for quantitative measurement of the food allergens milk, egg, peanut, hazelnut, almond, walnut, cashew, pecan nut, brazil nut, pistachio nut, macadamia nut, wheat, lupine, sesame, mustard, soy, celery, fish, molluscs and crustaceans; German version EN 17855:2024 DIN EN 455-2 Medical gloves for single use - Part 2: Requirements and testing for physical properties; German version EN 455-2:2024 DIN EN 549 Rubber materials for seals and diaphragms for gas appliances and gas equipment; German version EN 549:2019 +A1:2023+A2:2024 ❖ <u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u> UL 50E Edition 3, 2024 Enclosures for Electrical Equipment, Environmental Considerations UL 66 Edition 3, 2024 Fixture Wire UL 96 Edition 6, 2024 Lightning Protection Components / Composants de protection contre la foudre UL 123 Edition 12, 2024 Oxy-Fuel Gas Torches
---	--	--

UL 147B Edition 5, 2024

Nonrefillable (Disposable) Type Metal Container Assemblies for Butane

UL 153 Edition 13, 2024

Standard for Portable Electric Luminaires

UL 174 Edition 11, 2024

Standard for Household Electric Storage Tank Water Heaters

UL 248-5 Edition 2, 2024

Low-Voltage Fuses - Part 5: Class G Fuses

UL 248-6 Edition 2, 2024

Low-Voltage Fuses - Part 6: Class H Non-Renewable Fuses

UL 248-7 Edition 2, 2024

Low-Voltage Fuses - Part 7: Class H Renewable Fuses

UL 325 Edition 7, 2024

Door, Drapery, Gate, Louver, and Window Operators and Systems

UL 340 Edition 6, 2024

Standard for Tests for Comparative Flammability of Liquids

UL 391 Edition 5, 2024

Standard for Solid-Fuel and Combination-Fuel Central and Supplementary Furnaces

UL 486G Edition 2, 2024

Sealed Twist-On Connecting Devices

UL 498E Edition 1, 2024

Attachment Plugs, Cord Connectors and Receptacles - Enclosure Types for Environmental Protection

UL 498M Edition 1, 2024

Marine Shore Power Inlets

UL 521 Edition 7, 2024

Standard for Heat Detectors for Fire Protective Signaling Systems

UL 588 Edition 19, 2024

Standard for Seasonal and Holiday Decorative Products

UL 726 Edition 7, 2024

Standard for Oil-Fired Boiler Assemblies

UL 746C Edition 7, 2024

Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations

UL 758 Edition 3, 2024

Standard for Appliance Wiring Material

UL 778 Edition 6, 2024

Standard for Motor-Operated Water Pumps

UL 817, 2024

Standard for Cord Sets and Power-Supply Cords

UL 834 Edition 5, 2024

Standard for Heating, Water Supply, and Power Boilers - Electric

UL 854 Edition 12, 2024

Standard for Service-Entrance Cables

UL 875 Edition 10, 2024

Electric Dry-Bath Heaters

UL 891 Edition 12, 2024

Standard for Switchboards

UL 907 Edition 4, 2024

Standard for Fireplace Accessories

UL 969 Edition 5, 2024

Standard for Marking and Labeling Systems

UL 979 Edition 2, 2024

Standard for Water Treatment Appliances

UL 1023 Edition 7, 2024

Standard for Household Burglar-Alarm System Units

UL 1026 Edition 6, 2024

Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances

UL 1030 Edition 8, 2024

Standard for Sheathed Heating Elements

UL 1082 Edition 6, 2024

Standard for Household Electric Coffee Makers and Brewing-Type Appliances

UL 1247 Edition 6, 2024

Diesel Engines for Driving Stationary Fire Pumps

UL 1276 Edition 3, 2024

Outline of Investigation for Welding Cable

UL 1309A Edition 1, 2024

Outline of Investigation for Cable for Use in Mobile Installations

UL 1357 Edition 10, 2024

Outline of Investigation for Oxygen-Fuel Gas Flash Arrester and Combination Flash Arrester and Back-Pressure Check Valves

UL 1424 Edition 4, 2024

Standard for Cables for Power-Limited Fire-Alarm Circuits

UL 1426 Edition 5, 2024

Standard for Electrical Cables for Boats

UL 1551 Edition 3, 2024

Outline of Investigation for Sprinkler Systems Wire

UL 1558 Edition 5, 2024

Standard for Metal-Enclosed Low-Voltage Power Circuit Breaker Switchgear

UL 1563 Edition 6, 2024

Standard for Electric Spas, Equipment Assemblies, and Associated Equipment

UL 1574 Edition 3, 2024

Standard for Track Lighting Systems

UL 1699B Edition 1, 2024 Photovoltaic (PV) DC Arc-Fault Circuit Protection	Standard for Mounting Systems, Mounting Devices, Clamping	Explosive Atmospheres - Part 0: Equipment - General Requirements
UL 1709 Edition 6, 2024 Standard for Rapid Rise Fire Tests of Protection Materials for Structural Steel	UL 2710 Edition 1, 2024 Outline of Investigation for Sustainability for Portable Electronic Products	UL 60079- 10-2 Edition 1, 2024 Explosive Atmospheres - Part 10-2: Classification of Areas - Combustible Dust Atmospheres
UL 1741 Edition 3, 2024 Inverters, Converters, Controllers and Interconnection System Equipment for Use With Distributed Energy Resources	UL 2748 Edition 1, 2024 Standard for Arcing Fault Quenching Equipment	UL 60079- 15 Edition 5, 2024 Explosive atmospheres - Part 15: Equipment protection by type of protection "n"
UL 2034 Edition 5, 2024 Standard for Single and Multiple Station Carbon Monoxide Alarms	UL 2901B Edition 1, 2024 Vapor Corrosion Inhibitors for Use in Fire Sprinkler Systems	UL 60335- 2-79 Edition 1, 2024 Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-79: Particular Requirements for High Pressure Cleaners and Steam Cleaners
UL 2044 Edition 4, 2024 Standard for Commercial Closed-Circuit Television Equipment	UL 2984 Edition 1, 2024 CAN/UL Management of Public Risks - Principles and Guidelines	UL 60335- 2-89 Edition 2, 2024 Standard for Safety for Household and Similar Electrical Appliances – Safety – Part 2-89: Particular Requirements for Commercial Refrigerating Appliances and Ice-Makers with an Incorporated or Remote Refrigerant Unit or Motor- Compressor
UL 2056 Edition 3, 2024 Outline of Investigation for Safety of Lithium-ion Power Banks	UL 3600 Edition 1, 2024 Measuring and Reporting Circular Economy Aspects of Products, Sites and Organizations	UL 60691 Edition 4, 2024 Standard for Thermal-Links - Requirements and Application Guide
UL 2079 Edition 5, 2024 Standard for Tests for Fire Resistance of Building Joint Systems	UL 3730 Edition 1, 2024 Standard for Photovoltaic Junction Boxes	UL 60730- 2-15 Edition 3, 2024 Standard for Automatic Electrical Controls for Household and Similar Use; Part 2: Particular Requirements for Automatic Electrical Air Flow, Water Flow and Water Level Sensing Controls
UL 2108 Edition 2, 2024 Standard for Low Voltage Lighting Systems	UL 4248-1 Edition 3, 2024 Fuseholders - Part 1: General Requirements	
UL 2167A Edition 1, 2024 Outline of Investigation for Targeting Water Mist System Units for One- and Two-Family Dwellings for Fire Protection Service	UL 4740 Edition 1, 2024 Standard for Standard for Safety for LiDAR and LiDAR Systems	
UL 2239 Edition 2, 2024 Hardware for the Support of Conduit, Tubing, and Cable	UL 6703 Edition 1, 2024 Standard for Connectors for Use in Photovoltaic Systems	
UL 2353 Edition 3, 2024 Standard for Safety for Single- and Multi-Layer Insulated Winding Wire	UL 8750 Edition 2, 2024 Standard for Light Emitting Diode (LED) Equipment for Use in Lighting Products	
UL 2703 Edition 1, 2024	UL 9540A Edition 4, 2024 ANSI/CAN/UL Standard for Test Method for Evaluating Thermal Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems	
	UL 60079- 0 Edition 7, 2024	

UL 60745- 2-11 Edition 2, 2024	Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-202: Particular Requirements for Electrically Operated Valve Actuators	Standard For The Installation Of Fire Alarm Systems
Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-11: Particular Requirements for Reciprocating Saws		ULC 528 Edition 3, 2024
UL 60745- 2-21 Edition 1, 2024	UL 80079- 20-1 Edition 1, 2024	Standard for Manual Stations for Fire Alarm Systems, Including Accessories
Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-21: Particular Requirements For Drain Cleaners	Explosive Atmospheres - Part 20-1: Material Characteristics for Gas and Vapour Classification - Test Methods and Data	ULC 530 Edition 1, 2024
UL 60947- 4-1 Edition 4, 2024	UL 80079- 20-2 Edition 1, 2024	Standard for heat actuated fire detectors for fire alarm systems
Low-Voltage Switchgear and Controlgear - Part 4-1: Contactors and Motor-Starters - Electromechanical Contactors and Motor-Starters	Explosive Atmospheres - Part 20-2: Material Characteristics - Combustible Dusts Test Methods	ULC 555 Edition 3, 2024
UL 60947- 4-2 Edition 2, 2024	ULC 107 Edition 4, 2024	Standard for Fire and Emergency Service Technical Rescue Ropes and Water Rescue Throw Ropes and Associated Equipment
Low-Voltage Switchgear and Controlgear - Part 4-2: Contactors and Motor-Starters - AC Semiconductor Motor Controllers and Starters	Standard Methods of Fire Tests of Roof Coverings	ULC 561 Edition 3, 2024
UL 61010- 1 Edition 3, 2024	ULC 513 Edition 2, 2024	Standard for Installation and Services for Fire Signal Receiving Centres and Systems
Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 1: General Requirements	Standard for Threaded Couplings for 38 mm and 65 mm Fire Hose	ULC 588 Edition 1, 2024
UL 61010- 2-030 Edition 2, 2024	ULC 518 Edition 2, 2024	Gas and vapour detectors and sensors, including accessories
Safety requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-030: Particular Requirements for Equipment Having Testing or Measuring Circuits	Standard for Cotton-Synthetic Non-Percolating Forestry Hose	ULC 610 Edition 2, 2024
UL 61010- 2-202 Edition 1, 2024	ULC 518.1 Edition 2, 2024	Standard for Factory-Built Fireplace Systems
	Standard for Synthetic Non-Percolating Forestry Hose	ULC 632 Edition 3, 2024
	ULC 519 Edition 2, 2024	Standard for heat shields
	Standard for Cotton-Synthetic Percolating Forestry Hose	ULC 716.1 Edition 4, 2024
	ULC 519.1 Edition 2, 2024	Standard for Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS) – Materials and Systems
	Standard for Synthetic Percolating Forestry Hose	ULC 716.2 Edition 3, 2024
	ULC 524 Edition 7, 2024	Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS) - Installation of EIFS Components and Water Resistive Barrier
		ULC 716.3 Edition 3, 2024
		Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS) – Design Application

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn



TRUNG TÂM THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG TCĐLCL

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Số điện thoại: 024-37562608 / 37564268 **Fax:** 024-38361556

Email: ismq@tcvn.gov.vn **website:** <http://ismq.vn/>